Số 8 NĂM THỨ NHẤT 2e QUINZAINE OCTOBRE 1926

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
No 1770

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra hai kỳ

AN-NAM TẠP CHÍ
安南雜誌
REVUE DE L'ANNAM

CHỦ NHÂN
TÂN-DÂN NGUYỄN KHẮC-HIẾU

TÒA BÁO
HÃNG LONG GAY FRÈRE
50-52, Route Mandarine — HANOI

IMP. KIM-ĐỨC-GIANG
1926

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

MỤC-LỤC

1 — **Xã-thuyết.** — *Mấy nhời cảnh cáo bạn thanh-niên*

2 — **Văn-học.** — *Hoà-Bình phong-tục ký.*
Dưới bóng giăng trong.
Văn thơ
Tờ chúc-thư. — *(tiểu thuyết)*

3 — **Thời-Sự.** — *Một sự sáng lập khẩn thiết.*
Tại hội đồng quản-hạt Nam-kỳ.
Việc lụt ở Trung kỳ.

Bản-chí in ra mỗi tháng hai kỳ :
từ mồng 1 đến ngày 15 ; lại từ 16 đến 30 tây.

Giá đồng-niên, **4$00** : Nửa năm, **2$20** Mỗi số **0$20**.

Ngài nào có lòng yêu Bản-chí mà mua một năm. hoặc nửa năm, xin gửi giả tiền trước, giúp cho Bản-chí về công việc hành động trong lúc ban đầu : Bản-chí sẽ xin gửi theo những số sau.

Các phong-thư và mandats, xin gửi cho Bản-chí chủ-nhân *Nguyễn-Khắc Hiếu* nhận lĩnh.

AN-NAM TẠP-CHÍ

DIRECTEUR-GÉRANT :
Nguyễn-Khắc-Hiếu

N° 8 NĂM THỨ NHẤT 2e Quinzaine Octobre 1926

AN-NAM TẠP-CHÍ

社說

XÃ-THUYẾT

MẤY NHỜI CẢNH CÁO BẠN THANH-NIÊN

Nay tôi có mấy nhời thành-chí khẩn-thiết, xin tỏ cùng các bạn thanh-niên trong nước ta. Các bạn thanh-niên đó là như những ai? tức là những các ông học-sinh, không cứ học ở trường công hay trường tư, cao-đẳng hay sơ-đẳng, phàm từ khoảng 15 tuổi giở lên mà hiện còn đương là học-sinh, ấy đều là các bạn thanh-niên của ta, đều là người rất có quan-hệ về tiền-đồ của giang sơn nước ta vậy. Bởi rất có quan-hệ đến tiền-đồ của giang sơn nước ta, cho nên tôi muốn có mấy nhời rãi tỏ cùng các ông. Trước khi tôi rãi tỏ cùng các ông, tôi mong rằng các ông hãy tự nhận là hạng người rất có quan-hệ đến tiền-đồ của giang sơn, rồi tôi xin nói với các ông có hai câu truyện là câu truyện *gia-đình* và câu truyện *xã-hội* vậy.

1°) **Câu truyện gia-đình.** — Người Á-đông thua kém người Âu-châu, phần nhiều là vì chỗ gia-đình ; người Á-đông mà có hơn người Âu-châu, cũng chỉ có ở chỗ gia-đình. Nghĩ như thế là sao? Người Âu-châu thường không lấy gia-đình làm chú ý, ai có tài trí về phương-diện nào, cứ hết sức về phương-diện ấy, một là đối với tài trí của mình mà cùng cổng phát-triển, hai là đối với thế-cục của xã-hội mà ra sức đua ganh ; bởi thế cho nên trong xã-hội nhiều người có tài, mà những người có tài ấy lại phần nhiều thích-dụng với xã-hội. Người Á-đông thời phải lấy gia-đình làm chú ý, phàm đã là một người có tài hạnh học-thức, có địa-vị trọng yếu ở trong gia-đình, thời phải gánh vác hết những trách-nhiệm trong gia-đình, không những trên đối với bố mẹ, dưới đối với vợ con, mà hết thảy các hàng em, các hàng

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

châu, các họ-mạc gần xa, có thể bao-dung gây-dựng được đến đâu thời phải nhận phần trách-nhiệm đến đấy; nếu không thế thời là một người không có trọng-giá ở gia-đình, mà tự thân đối với hai chữ "*lễ gia*", như có chỗ không tự mãn-túc. Bởi thế cho nên bao những người hiền-tài học-thức, vì cái chỗ gia-đình bó buộc, mà hết tài hết sức trong một đời, thường không làm sao cho đầy đủ được chức-trách ; bởi thế cho nên ít có người tài trí cao xa thích-dụng với xã-hội. Đó là cái nguyên-cớ người Á-đông thua kém người Âu-châu vậy. Người Á-đông thua kém người Âu-châu, vì ở cái chỗ gia-đình bó buộc ấy; mà cũng chỉ hơn người Âu-châu ở cái chỗ đảm-nhiệm được nhiều trách-nhiệm trong gia-đình. Nay chúng ta đã biết như thế, thời chúng ta là người Á-đông, câu truyện gia-đình, chúng ta cần nên phải giảng-cứu.

Cứ như tôi xét ra thời cái lý-tưởng của nhiều người hiện nay, như muốn vướch bỏ cái chức-trách đối với gia-đình để đem công thi-thố với xã-hội ; đó là nhiễm cái văn-minh Âu-hóa, mà muốn đổi hẳn cái bổn-tính người Đông-phương. Những người có cái lý-tưởng như thế, tất cũng có cái kiến-thức tủy-thời, phần riêng tôi không dám bảo là không phải ; song tôi chỉ nghĩ rằng: cái chức-trách gia-đình của người Á-đông ta, hoặc nên thu hẹp giới-hạn lại thế nào, mà không nên biến đổi một cách dữ mạnh quá. Nay các bạn thanh-niên ta hiện còn đương trong lúc đi học, những chức-trách gia-đình chưa có thì-giờ giảng-cứu đến cho kỹ, vậy xin hãy bàn về một chỗ đối với mẹ cha.

Tôi thường nghĩ: phàm là một người học-trò sinh vào thì buổi này, phần báo hiếu với mẹ cha nên phải gấp hơn những học-trò sinh vào thì buổi trước. Là sao? Xưa kia có câu rằng: « *Cơm ăn ba bát, cha cày cấy ; áo mặc tư mùa, mẹ vá may* ». Ấy là phần người con làm học-trò nhờ ơn dưỡng-dục của bố mẹ có như thế; còn như những bút giấy sách vở trong việc học, sự tốn kém so với nay cũng tầm-thường đơn-dản hơn nhiều. Lại trong khi học tập, phần nhiều tức là lúc thần-hôn, — cũng có người đem lương đi học xa, nhưng thuộc về số ít — một đôi khi có giỗ tết khách khứa, tật bệnh thuốc thang, bố mẹ còn được có con mà sai bảo những việc vặt ở trong nhà. Đến như nay thời cái thân-thế một người con làm học-trò, xem với trước đã gần như khác hẳn. Sự ăn mặc theo thời mà phần tốn kém phải gấp hơn, sự học-phí theo thời mà phần tốn kém phải gấp hơn, những nhà sẵn ở tỉnh-thành mà có con đi học thời còn giản-tiện được đôi phần, những nhà ở thôn-quê mà có con ra học tỉnh thời sự tốn phí càng thêm lắm. Thường thấy nhiều nhà ở thôn-quê có con ra học tỉnh, quanh năm chỉ lo về một sự cấp lương-thực, lấy làm một việc trọng đại nhất ở trong gia-đình. Những người con đã đi học như thế, lại ít khi về đến nhà; dẫu có nhân ngày lễ ngày nghỉ mà về chơi nhà chăng nữa, thời phần bố mẹ chiều con nhiều, mà phần con hầu bố mẹ ít, đó là cái tính chung của những người học-trò về Pháp-học ít quen làm những việc vặt ở trong gia-đình ở thôn-quê. Vậy thời cái công ơn cha mẹ đối với người con làm học-trò trong

buổi nay, thực có nặng hơn khi trước vậy. Đó là nghĩ về phần báo-đáp với cha mẹ nên thế nào là phải, tưởng các bạn thanh niên ta đều đã đủ thừa học-thức mà không cần tôi phải giảng bàn; nay tôi muốn cùng các ông luận về đạo hiếu đây, chỉ là nghĩ về chỗ có khác giống vật vậy.

Phàm các giống động-vật ở thế-giới, đẻ ra con mà yêu thương là phần nhiều, con mà biết báo hiếu lại thời ít thấy. Bởi thế cho nên giống người ta nên phải có hiếu với cha mẹ, trước là để khác với giống vật, mà sự thủ ơn báo đức còn là phần sau. Một đạo hiếu ở phương Á-đông, thật dẫu rằng đất đổ giời rơi, mà không bao giờ có thay đổi. Mới rồi An-Nam tạp-chí số thứ 3, có đăng một bài của ông *Tạ-quang-Cát* về mục gia-đình, nghe dư-luận rất là phản-đối; sau dẫu có một bài của ông *Ngô-tất-Tố* bác lại, đăng ở số 4 An-Nam tạp-chí, mà dư-luận cũng chưa lấy làm hả lòng. Vậy càng biết sự luân-thường ở Á-đông, một đạo hiếu là không thể xâm-phạm đến như thế. Lại mới rồi tôi có lên chơi tỉnh Hòa-Bình, được tiếp quan Ấn nói truyện về người *Mán*, ngài nói rằng: người *mán* có học nhiều chữ nho mà tục rất là hiếu, con gái thường không chịu đi lấy chồng xa; có câu rằng: « 一孝不曾離父母, 一離父母心愁愁. *Nhất hiếu bất tằng ly phụ mẫu; nhất ly phụ mẫu, tâm sầu sầu.* » Nghĩa là: "*con hiếu không từng xa bố mẹ, hơi xa bố mẹ lòng ngùi thương.*" Xem đến người mán mà như thế, thời càng biết luân-lý ở Á-đông, đến chữ *hiếu* là trọng vậy! Nước ta từ xưa, người bất-hiếu tưởng cũng không ít, nhưng thuộc về kẻ vô-học là phần nhiều; gần nay, học-vụ biến đổi, luân-lý xuy đồi, những kẻ bất-hiếu thường ở trong hạng người học-vấn mà ra cả. Cứ tôi nghe thiên-hạ nói truyện thời có người con quan đại-thần, đi du-học, lấy vợ đầm, rồi về nhà giở luật tây để kiện bố; có người đỗ đến đốc-tờ, mày-đay bắc-đầu, mà ham-mê gái, trái nhời cha; lại có người ở Hải-phòng lên chơi nói truyện rằng: ở Hải-cảng có một thầy làm việc kia, cứ bữa ăn, hai vợ chồng cùng ngồi ăn với nhau, mà mẹ già thời ăn với vú già ở dưới bếp. Là người học-vấn hiền-đạt mà ở với bố mẹ như thế, thời lấy gì làm khác với giống vật; ở gia-đình mà đối với bố mẹ còn như thế, thời các em, các cháu, các tộc-đảng còn mong chi! Những người đó không phải là hạng bạn thanh-niên của ta, nhưng cũng là các người đã từng qua trải lớp học-sinh mà ra vậy. Hỡi các bạn thanh-niên của ta, các ông học-sinh, nghĩ đó có đáng buồn đáng sợ hay chăng?

Chúng ta là người Á-đông, chúng ta thua kém người Âu-châu, nay phong-trào khích-thích, chúng ta nên tìm phương học-tập cho mỗi ngày theo kịp được người; tuy vậy mà cái đạo-nghĩa gia-đình của người Á-đông ta tự mấy nghìn năm xưa, ta cũng không nên để cho một trận cuồng-phong thổi tan cuốn sạch vậy. Nay nếu cái điều hay của người, đã chưa học được; mà cái điều cũ của mình lại bỏ nốt, như thế thời ở trên thế-giới là hạng người chi chi? Các ông hiện còn đương trong lúc thanh-niên, tâm-thần minh sảng, các ông nên để ý ngay về chỗ đó, thời mai sau các ông được hiền-đạt, sẽ là

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

người cán-đáng trong gia-đình. Các ông cứ là người cán-đáng trong gia-đình, tức cũng đã là một hạng người tốt ở trong xã-hội của ta vậy.

2°. — Câu truyện xã-hội. — Người ta không cứ phải làm song chức-trách ở gia-đình, mà rồi mới làm đến công việc ở xã-hội; thường trong một thì-giờ mà gia-đình xã-hội có thể gánh vác được cả hai, cái đó tự ở người có chí mà dụng công thời tưởng cũng không khó. Xem những người ở gia-đình mà bất hiếu với bố mẹ như ai kia, thời đã làm ích cho xã - hội được những gì, nghĩ như thế đủ biết. Nay xin nói truyện với các ông về câu truyện xã-hội:

Hiện nay các ông còn đương trong lúc thanh-niên học-tập, chí-khí thanh-minh, những sự bỉ-tục lợi-dục ở đời chưa bận đến trong bụng; trong bụng các ông nay, nào là chan - chứa những tình ái quốc, nghĩa hợp-quần, tưởng như một mai đắc ý ra mà thi - thố với đời, thời không để cái địa-vị hảo-kiệt vĩ-nhân nhường cho kẻ khác. Con người ta ở đời, nếu ai cũng giữ được cái chí-khí lúc thanh-niên, để thực-hành cái sự-nghiệp xuốt thân-thế, như thế thời hảo-kiệt vĩ-nhân cũng chỉ là một vật rất tầm-thường dung-dị, mà quốc-gia xã-hội không mấy khi đến bại-diệt trầm-luân. Nhưng mà khó lắm thay! cái chí - khí trong lúc thanh - niên của con người ta, thường chỉ là cái chí-khí trong lúc thanh-niên vậy. Các ông nghe nhời tôi nói đây, hoặc có lấy làm không bằng lòng, nhưng xin các ông hãy tạm yên, để tôi được nói truyện cùng các ông những tình-trạng hiện nay trong xã-hội.

Trong xã-hội ta nay, có một phái người hủ-bại, chưa nói rõ, chắc ai cũng đều đã biết là một phái người nhà nho. Phái nhà nho, chỉ trừ ra độ có một số người rất ít, còn thời thật toàn là hủ - bại vậy. Trong một phái hủ-bại đó, lại có nhiều hình-thức khác nhau, có thể chia đại-lược làm ba hạng: Một là hạng *đương - đồ*. Hạng người này khoa - mục xuất thân, . . Hai là hạng *nhàn-tản*. Hạng người này như kẻ đi ăn cỗ đã no bụng mới làm khách, ngồi nhà lấy "hưu-phu, hưu tẩu (1)" tự xưng; hoặc là nhờ có vợ giầu, con làm việc, mà cũng rượu ngang, thuốc cống, trẻ đầu-xuân, coi đời ra rác. Ba là hạng *khốn-nạn*. Hạng người này chiếm một phần nhiều nhất ở trong phái hủ-bại, kẻ thời kiếm ăn theo những bọn đương-đồ, kẻ thời kiếm ăn quanh ở miền báo-giới, kẻ thời cơm áo không đủ, chỉ cù-rù củi-rủi, tủi phận than thân. Tóm ba hạng người ấy, hình-thức dẫu có khác nhau, mà đều là vô-ích cho xã-hội vậy. Than ôi! bốn nghìn năm Hán-học, thánh-kinh hiền-truyện, rút lại còn được một phái người hủ-bại đó, cái kết-quả của sự học-vấn đã đáng buồn hay chưa?! Phái nhà nho đã hủ bại không ra chi, thời tiền - đồ của giang sơn, thế chỉ có trông mong ở các người trong Pháp - học vậy.

1.— *Hưu* 休 là hưu-trí, *phu* 夫 là thằng đàn ông, *tẩu* 叟 là lão già.

Nói đến các người trong Pháp - học thời như có một cái quang - cảnh rất mới-mẻ, cái khí-thế rất hăng-hái, cái cơ-sở rất vững - trãi, cái hi - vọng rất lâu dài; nhưng sau này chưa biết ra sao, cứ hiện nay xem ra, cũng lại chỉ là một phái hủ-bại duy tân vậy. Phái nhà nho là *cựu hủ-bại*, phái Pháp-học là *tân hủ-bại*. Trong phái Pháp-học này, trừ ra không biết được bao nhiêu người không hủ-bại, còn về phần hủ-bại cũng có thể chia làm ba hạng khác nhau: Một là hạng *đương-đồ*. Hạng đương-đồ về Pháp-học cũng chẳng khác gì hạng đương-đồ trong làng nho, địa-rư cách-trí,toán-pháp đích-tê, cũng như ngũ-kinh tứ-thư, kinh-nghĩa thơ phú khi trước vậy. Cái cách học dẫu có khác nhau, mà cái cách ra đời cũng như một; một thân đã sung-sướng, vợ con đã yên vinh, rồi cũng biệt-thữ sinh-phần, lắm trò dơ-dáng. Hai là hạng *tự-túc*. Hạng người này chiếm một phần nhiều nhất ở trong phái tân hủ-bại, ngoài trông vào tháng lương, trong có ít vốn-liếng, vợ con yên ấm, học vấn sùng-sằng, không hơn ai cũng không phục ai, không cần ai cũng không thiết ai, câu truyện ưu-thời cũng có nghe mà nghe để ngoài tai, câu truyện ái-quộc cũng có nói mà nói ở đầu lưỡi. Ba là hạng *vô-lại*. Trong một hạng người này, lại có hai bổn-sắc khác nhau: hoặc là do sinh-trưởng ở nhà phú-quí, ăn chơi quen thói, học tập hư hèn mà thành ra vô-lại; hoặc là cửa nhà vốn nghèo khó,thị-thành đua ăn chơi, học chẳng nên thân, tiền làm không đủ mà thành ra vô-lại. Tóm ba hạng người đó, hình-thức dẫu có khác nhau, mà cũng đều là vô ích cho xã-hội vậy. Phái nhà nho hủ-bại đã như thế, phái Pháp-học lại hủ-bại như thế; phái cựu hủ-bại vô ích đã như thế, phái tân hủ-bại lại vô ích như thế; ngoài hai phái hủ-bại vô ích đó, lại còn có những thứ người cũng do ở Hán-học Pháp-học đào-trú đặc-biệt mà sinh xuất những tính-tình quái ác, làm hại cho xã-hội thực gớm-ghê. Ôi, đó là cái tình-trạng hiện nay ở trong xã-hội ta, là chưa nói đến những người không có học-vấn vậy.

Hỡi các bạn thanh-niên ta, các ông đều là người về phái Pháp-học, mà hiện nay các ông còn đương là học-sinh; chưa biết vài ba năm, năm bảy năm về sau mà các ông đắc-chí hay thất-ý thế nào, nhưng các ông có thể tự liệu rằng giữ vững được như cái chí-khí trong lúc thanh-niên này hay chăng? Khó lắm thay! tôi thật vì các ông mà lo cho các ông rằng khó lắm thay! Hoặc như một mai kia các ông đắc-chí ra mà ngã vào hạng người "đương-đồ tân hủ-bại", hoặc như một mai kia các ông thất-chí ra mà ngã vào hạng người ,, vô-lại tân hủ-bại", hoặc như một mai kia các ông được yên ấm mà ngã vào hạng người "tự-túc tân hủ-bại", đó đều là những sự-thể chưa dám quyết rằng không, cho nên đáng lấy làm lo vậy. Nếu trong ba hạng người về phái tân hủ-bại đó, mà các ông sẽ có ngã vào một, thời bao nhiêu cái chí-khí của các ông trong lúc thanh-niên này thật là đáng tiếc! mà tiền-đồ của giang-sơn xã-hội hết nhẽ trông mong! Vì tôi quá mong ở các ông, cho nên quá lo cho các ông; vì quá lo cho các ông, cho nên nói hoặc quá nhời mà không dám sợ các ông có oán vậy. Cái tình-trạng của xã-hội ta hiện nay, phái hủ-bại cũ chưa tan trò, phái hủ-bại mới lại khai diễn. Giang sơn

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

trật hẹp, phong-trào cấp bách, dung sao được những bọn hủ-bại đó cứ thay đổi nhau mà lên diễn-đài mãi như thế ru ! Nếu phen này mà bọn tân hủ-bại lại nối nhau diễn mãi cho mãn võ tàn canh, thời thật là vô hạnh-phúc cho giang sơn vậy. Nghĩ vì thế mà tôi phải hết nhời cùng các ông, mong rằng các ông cố giữ vững cái chí-khí tốt đẹp như trong lúc thanh-niên này, thời mai sau dù đắc-chí hay thất-ý thế nào, ắt cũng là có ích cho xã-hội lắm lắm.

Riêng về phần tôi viết bài này, tôi tự nghĩ cũng vô hạn tự sầu và tự thẹn : trong một phái người cựu hủ-bại, chính lại cũng có mình ở trong. Xuân-xanh quá nửa đời người, mà ngoài ngòi bút quốc-văn không có cách gì lập thân, ngoài ngòi bút quốc-văn không có cách gì sinh-kế. Mặt giời giữa thời xế, mặt giăng tròn thời khuyết, người đến đứng tuổi thời giở về cõi thọ ; đom-đóm đồng không, vờ-vờ nước chảy, trăm năm thân-thế, cùng ai ngao-ngán nỗi hoang-lương! Nghĩ về thế mà tôi muốn cùng một đôi người đồng-chí, đem cái tinh-thần Hán-học, tự mình biết được chút nào, phô diễn ra tờ báo quyển sách, để cống-hiến cùng các ông; tức là muốn gửi vào các ông một đôi chút tinh-thần cũ-kỹ đó, để mai sau các ông đắc-ý mà ra thi-thố với xã-hội, thời chúng tôi dẫu không được dự có phần giá-trị đối với giang-sơn chủng-tộc, cũng còn may nhờ ở các ông đó mà gỡ được cái tội lỗi đối với kinh thánh truyện hiền. Đó là cái ý-nguyện riêng của tôi, còn như các ông có dung-nạp hay không thời chưa dám biết vậy. Nay chỉ vì các ông là hạng người có quan-hệ đến tiền-đồ của giang sơn nước ta, cho nên tôi muốn kính khuyên các ông rằng : các ông cố giữ lấy cái chí-khí như trong lúc thanh-niên này, để mai sau thực-hành cái sự-nghiệp xuốt thân-thế, trong cán-đáng lấy trách-nhiệm ở gia-đình, ngoài gánh vác lấy công việc của xã-hội, không hủ-bại mà thật là duy tân. Bốn nghìn năm nước tổ, non nước còn xuân, trên nhờ Bảo-hộ, dưới có quốc-dân, may ra Hồng-Lạc rư-đồ chưa đến khi vĩnh kiếp trầm-luân vậy. Cái vinh-dự ở giang sơn Việt-Nam ta sau này, không phải các bạn thanh-niên ta hưởng thụ đó mà ai.

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Kính cáo

An-Nam tạp-chí số thứ 1, *vì nhà in bận nhiều công việc, cho nên chưa in lại được kịp ; các Ngài có lòng yêu mà hỏi đến, xin bằng lòng đợi ít lâu. Nay Ngài nào bắt đầu mua cả năm, Bản-chí tạm gửi đi từ số hai, còn số nhất đến sau sẽ gửi.*

BẢN-CHÍ

文學之部

VĂN-HỌC

HÒA-BÌNH PHONG-TỤC KÝ

Tham-tri lĩnh Hòa-Bình Tuần-phủ
ĐINH-CÔNG-THỊNH
soạn

Tỉnh Hoà-Bình nguyên xưa không có, mới từ bổn-triều *Đồng-khánh* năm thứ hai (1886), chính-phủ Bảo-hộ có nghị định trích lấy hai châu Lạc-sơn, Lạc-thủy ở tỉnh Ninh-Bình; hai châu Lương-sơn Kỳ sơn ở tỉnh Sơn-tây; hai châu Đà-bắc và Mai ở tỉnh Hưng-Hóa, lập ra tỉnh-lỵ tại phố *Phương-Lâm*, nên mới gọi là tỉnh *Phương-Lâm*. Sau lại di tỉnh lên *chợ-Bờ*; vẫn gọi là tỉnh Phương-Lâm (tục gọi là tỉnh Bờ). Đến năm *Thành-thái* thứ chín (1898) lại di tỉnh-lỵ về đóng tại đầu làng *Hòa-Bình*, nên mới đổi tên gọi là tỉnh *Hòa-Bình*.

Đến năm Duy-tân thứ hai (1908), nhà nước lấy châu Lạc-thủy sáp về tỉnh Hà-Nam, nên tỉnh Hoà-Bình nay chỉ còn có năm châu là *Lương-sơn*, *Lạc-sơn*, *Kỳ-sơn*, *Mai* và *Đà-bắc*. Cộng có 14 tổng, 84 xã, 1386 thôn xóm. Quan đầu tỉnh chức Chánh-quan-lang (tức là quan Tuần-phủ), rồi đến quan Án-sát-sứ, 5 Tri-châu, 5 phó Tri-châu, dưới nữa đến Thổ-lang, Thổ đạo, đều là thổ-quan trị thổ dân.

* * *

Trong tỉnh có 6 thứ người, người *Mường*, người *Thổ*, người *Mán sơn đầu*, người *Mán cao-lan*, người *Mán đeo tiền*, người *Mán mèo*.

Mán sơn đầu vì rằng đàn bà con gái đánh sáp lên tóc và bôi mỡ tóc chít thật chặt, cho nên gọi là *Mán sơn đầu*.

Mán đeo tiền cũng như Mán sơn đầu nhưng đầu tóc lại làm ra hai từng, mà đàn ông ai cũng đeo tiền dẳng sau cổ áo, cho nên gọi là *Mán đeo tiền*.

Các thứ Mán thì từ xưa đến nay vẫn làm nhà cửa và làm nương trên ngọn núi cao. Các thứ Mán không nhất định ở hẳn một nơi, vì rằng làm nương năm bảy năm nhạt đất, hoa-mầu không tốt, lại phải đi xin đất quan-lang chỗ khác mà ở.

Người Mường châu Lương-sơn, Lạc-sơn, Kỳ-sơn và nửa châu Đà-bắc đều một thứ tiếng. Còn nửa châu Đà-bắc và châu Mai, toàn là người Thổ, có một thứ chữ riêng gọi là chữ thổ, và nói khác thứ tiếng.

Trong xứ người Mường này, họ nhà lang có 4 họ là *Đinh*, *Quách*, *Bạch*, *Hoàng*. Trong bốn họ này từ xưa đến nay tuy rằng khác họ, nhưng làm thông-gia với nhau, có việc gì thì cũng một lòng giúp đỡ với nhau; đến trung-gian đời nhà Hậu-Lê mới thêm ra hai họ nữa, một là họ *Xa*, hai là họ *Hà* làm lang, nhưng cũng là cùng trong 4 họ mà phân ra.

* * *

Đường thủy thì có sông *Đà-giang* (tức là sông Bờ), có tầu thủy chạy lên đến Chợ-Bờ, cứ đến cuối năm là tháng Décembre, tầu chạy ở Hanoi, thứ bẩy chạy, chủ-nhật tới Hoà-Bình và Chợ-Bờ; thứ hai tầu xuôi, thứ ba ở Hanoi chạy, thứ tư thì tới Hòa-Bình và Chợ-Bờ, thứ năm lại xuôi.

Đường bộ quan-lộ đi được ô-tô, thì từ *Hanoi* qua *Hàđông* vào hạt *Lương-sơn, Hoà-Bình, Chợ-Bờ, Suyút*; con đường đi *Vạn-Mai* thuộc tỉnh Hoà-Bình lên *Hồi-xuân Sầm-nưa*, thì đường chỉ người và ngựa đi được.

Con đường từ *Suyút, Mai-châu* rẽ về tay phải, sở lục-lộ đương phái làm để lên *Sơn-La* và sang *Lào*.

Con đường *Cao-Phong* vào châu *Lạc-sơn*, ước chừng hơn 80 kilomètres thì giáp với con đường *Nho-Quan*, hiện bây giờ đương làm, ô-tô đã chạy được đến xóm *Vảm* xã *Cao-Phong*.

Con đường *Hoà-Bình* đi *Tu-Vũ, Phú-Thọ*, hiện bây giờ đương làm, ít nữa thì hoàn thành, là đến địa-phận *Phú-Thọ*. Con đường này làm rất rộng-rãi, ô-tô quan khách vẫn chạy đi lại xem đường luôn.

Còn các con đường nhỏ trong năm châu các thôn xóm đi lại với nhau, phần nhiều phải đi lội khe xuối, chèo qua chân núi này sang chân núi khác, chỉ người đi được mà thôi, ít khi đi được ngựa, vì rằng leo đá khó-khăn.

* * *

Lang coi dân mường như là con cháu, dân mường đối với lang như là bố mẹ. Lang truyền việc gì, dân cũng phải rốc một lòng vâng lệnh của lang; dù là việc nguy cấp như giặc đã sắp đến, lang sai dân phải liều mình ra đánh, dân cũng phải gắng sức liều thân mà xông-pha cố đánh. Sau khi đó thời nhà lang có thưởng cho những người đã có công, mỗi người một mẫu hay là hai mẫu ruộng nhất đẳng, gọi là ruộng công-khố, được cấy truyền tử nhược tôn; người bị tử thì thưởng cho trâu bò làm ma; người bị thương thì thưởng cho tiền chữa thuốc.

Vì lang đối với dân có nhiều điều tình nghĩa rất là mật-thiết như thế, cho nên từ xưa đến nay, dân đối với lang cũng không bao giờ thay đổi (I).

Giở lên nói về sự lập tỉnh và lý lộ quan dân, để độc-giả biết qua đại-thể tỉnh Hoà-Bình là như thế; đây giở xuống, mới nói đến phong-tục dân mường ở Hoà-Bình.

* * *

Việc hiếu nhà lang — Khi bố hay mẹ lang mới mất, trong nhà lang đánh hiệu trống ba hồi; tất cả dân nghe hiệu trống ấy, biết rằng bố hay mẹ lang đã mất, thời mỗi nhà chỉ để một người ở giữ nhà, còn bao nhiêu người đến nhà lang tất cả để thăm biết giờ nào nhập quan; rồi mỗi nhà lại một người trở về, người thì lấy bông, người thì lấy vải, người thì lấy tơ, rồi đem đến nhà lang để khâm liệm nhập quan. Áo quan thì làm bằng *cây gỗ tròn*. Nhập quan xong rồi thời đón *thầy mo* (2) đến làm lễ *động tiếng* và *cắt tóc*. Khi thầy mo đến, trước hết treo trống đồng (cái trống bằng đồng, người khác không được treo); rồi chọn giờ tốt mới động tiếng (tức là khóc); khi ấy họ-hàng con cháu và dân đều quì phục xuống chân linh-cữu mà khóc. Khi động tiếng thì đánh trống đồng, đánh chiêng, và bắn 12 phát súng đại-bác mường; xong rồi làm lễ tế thành-phục, tất cả con cháu họ-hàng và dân mường từ già chí trẻ đều *cắt tóc để tang 3 năm*. Khi còn có tang, từ họ hàng chí dân không ai được làm sự gì vui mừng. Các lễ ấy đã xong thời những người dân ai lại về nhà người ấy. Linh-cữu để thờ ở trong nhà 3 năm, mỗi ngày hai lần đặt cơm như là khi còn sống (tức là phải bưng cơm dót nước cho vong-hồn, mà chỉ có một họ bưng cơm dót nước, chứ họ khác không được). Khi đặt cơm thì chính ông thầy *chuốc* phải đánh một hồi trống đồng, rồi đánh đủ 100 tiếng, đánh xong thì thầy chuốc hạ cái mâm cơm cúng vong-hồn xuống, chính ông thầy chuốc phải ăn mâm cơm ấy, chứ con cháu không được ăn. Khi sắp làm ma thì thổ-đạo kỳ-mục và dân chiểu tính số ruộng của lang cho dân mà góp tiền, góp trâu bò, gạo, rượu, lợn; để làm ma cho bố mẹ lang. Các nghi-vật trong việc ma thời áo quan phải bọc ba lần vóc, lại thêm một lần tạ quan, và làm

(1) Một đoạn nói về tình nghĩa quan với dân đây, Bản-chí sẽ có nghị-luận ở nơi khác.

(2) *Thầy mo* tức như *thầy tu* hay *ông cố* ở dưới vùng xuôi, đó tức là tôn-giáo của dân mường vậy

xe minh-tinh, nhà-táng, nhà vong, nhà-phật, nhà minh-khí, thuyền bát-nhã, nón phướn và một cái nhà 12 từng (hình như cây tháp), trên đỉnh nóc có một con quạ. Sắm-sửa đủ cả những đồ đó, rồi mới chọn ngày tốt để làm ma.

Khi bắt đầu làm ma thì thầy mo đứng giậy, tay tả cầm chuông, tay hữu vác gươm, để mời vong-hồn ra ăn cỗ, khi ấy tất cả *nàng dâu họ nội phải mặc áo mạng-phụ lối mường* (thứ áo này, các bà lang mường những bà nào khéo lắm mới làm được, vì rằng mũ may liền với giải áo, mà mũ thì trên có nhiều tua, các thứ hạt), đeo vòng vàng, hạt vàng, tay tả thì cầm cái quạt bằng lá bẹ, đều đứng một dẫy phía trong quan-tài, khi thầy mo cất tiếng mời vong-hồn ra ăn cỗ thì các nàng dâu đều quạt vào linh-cữu cho đều (mà nàng dâu không được để *chở*) : nếu mà khi làm ma không có nàng dâu đứng quạt như thế, thì rồi trong họ sẽ không được thịnh-vượng. Thảng hoặc con trưởng còn bé, mà trong nhà bố hay *mẹ mất thì phải đợi con trưởng* lấy được nàng dâu, rồi mới dám làm ma, là vì phải có nàng dâu trưởng đứng đầu mà quạt. Tục nàng dâu phải quạt như thế có ba họ, là họ Đinh-thế, họ Quách và họ Bạch không được bỏ, nếu nhà nào mà bỏ thì con cháu tất suy đốn.

Khi làm ma thì chính con trưởng nhà lang phải làm một bữa *đìm* ; bữa đìm tức là cái bữa thầy mo mang vong-hồn lên giời xin lỗi trở về, chính tối hôm ấy người con trưởng phải lấy của trong nhà ra làm thịt độ hơn hai chục trâu bò, lợn không kể, phải trọn con trâu to nhất, sẹo con trâu ấy phải làm bằng bạc, chạc con trâu ấy phải làm bằng vóc, trên lưng con trâu thì phải phủ bằng vải trắng, mà chính con bỏ phải cầm mà giắt con trâu ấy. Sắm-sửa đủ rồi thì thầy mo mới lại mặc áo đội mũ, tay tả cầm chuông, tay hữu vác gươm, đứng giậy khấn vong-hồn và mời rằng : « *Mới vóc nguộc mình rồng vàng, bóng khính ngày dâm sang* (1) *ra xem trâu.* » Khi ấy người rước cũng như chật, ông mo đi trước, rước vong-hồn đi sau, xuống thang màn ra sân, chỗ giắt con trâu ấy. Ông mo đứng lên cái cối giã gạo, kể gốc-tích khi trước sinh ra trâu bò, để cho vong-hồn nghe ; sau ông mo mới bảo vong-hồn rằng : « Ngài đã mất mấy năm nay, con trưởng và binh mường đã chọn được ngày lành tháng tốt, để làm ma cho ngài ; con trưởng ngài chọn được con trâu tốt thứ nhất, để mổ thịt ra làm lễ báo hiếu cho ngài. Xin ngài nhận lấy, rồi phù hộ cho con cháu ». Song rồi ông thầy mo lại cúng vong-hồn trở lên nhà ; con cháu họ hàng và dân thì rước con trâu ấy ra đồng làm thịt. Còn như cái giây thừng bằng cả tấm vóc, cái sẹo bạc, và mấy cái vải phủ trên trâu, thời chính ông bỏ được lấy, chứ người khác không được lấy. Bữa đìm là bữa ăn to nhất trong việc ma.

Song bữa đìm ấy thời kế đến bữa con rể. Con rể đi làm một bữa dãi cho bố vợ, trâu bò ít ra cũng phải hai mươi con, lợn không kể ; gạo, rượu, nồi, miếng, xanh, đem đi để đồ sôi và làm bánh, ít ra cũng phải *tám trăm phu* mới mang hết. Khi làm bữa thì chính người rể đem đi phải thịt trâu, thịt bò lấy, để làm cỗ mà dãi, và các bà nàng của mình phải làm các thứ bánh. Khi con rể làm cỗ xong, bưng ra ngoài trạm làm ở ngoài đồng, ngoài trạm đã làm một cái nhà chồng 12 từng, như là cây tháp ; rồi thầy mo mới mặc áo đội mũ, cầm gươm dung chuông, rước vong-hồn ra chỗ nhà 12 từng ấy. Khi rước vong-hồn ra, đằng trước dàn mặt súng bông-mai và gươm, cờ trống, đồ lộ-bộ, kế đến nhà rước vong, sau đến nhà nhạc, sau cùng thì họ hàng con cháu. Rước đến nhà 12 từng thì đặt nhà vong-hồn bên cạnh, rồi quan-viên làm lễ tế ông thần Sích-lân. Khi tế lễ song rồi thì ông chùm tư-văn cầm quyển sách đứng đọc ở cửa đông nhà tháp 12 từng. Khi đọc nửa chừng, thì tất cả đồ lộ-bộ và những người chấp-kích rước vong-hồn đi chạy vòng xa cái nhà 12 từng. Nhà ấy chia ra làm 4 cửa, người chấp-kích chạy đi ra cửa đông, khắp một vòng thì lại lộn lại chạy ra cửa tây, người chạy trước

(1) *Bóng-khính ngày-dâm-sang*, nghĩa là ông chúa ở trong đất.

quanh lượt ngoài, mà người đi sau cũng chưa tới cửa đông, thành ra bốn năm từng người chạy đi chạy lại. Người đi đầu chạy ước chừng 4, 5 vòng mới được đứng lại. Rồi lại rước nhà vong đến bên cạnh cây tháp, nghỉ một lúc, rồi ông chùm tư-văn lại đọc đến cửa tây, cửa nam, cửa bắc, khi đọc đến cửa nào, lại phải chạy như lần trước. Đọc quyển sách này ít ra cũng đến ba hôm mới hết, mà những người chấp-kích ước chừng độ năm sáu mươi người, những đồ dùng của vong-hồn như là nón phướn, cây bông, cây hoa, nhà vong, nhà phật, nhà minh-khí, nhà minh-tinh, thuyền bát-nhã và hòm siêng phải rước tất cả, nên hóa ra đông người chấp-kích. Mỗi ngày cứ buổi sáng rước vong hồn ra, để quan-viên đọc sách *mãi nhà*, thì cứ phải chạy như lần trước, mà hôm đầu tiên thì tất cả họ-hàng và các làng đều ăn cơm ở chỗ mãi nhà ấy. Bữa ấy là bữa của con rể, tiếng mường gọi là bữa *đãi*, chính người bên nhà rể phải rọn-rẹp bưng mâm, nếu thiếu đâu thì người ta hạch-sách đến đấy.

Quyển sách *mãi-nhà* toàn là chữ nho, phải đọc quyển sách ấy giao các thứ đồ vật cho vong-hồn, thì con cháu mới mát-mẻ.

Tục nhà lang hễ có việc hiếu, thì nhà ông quan lang khác đem đồ trâu bò đến viếng mà giúp đỡ; các quan lang đã đến viếng thì phải ở cho đến khi cử-hành, chứ không phải đến viếng mà về ngay như tục đường xuôi; vì thế nên số người dự đám mỗi càng ngày càng đông, không lấy mâm bát đâu mà rọn cho đủ. Các quan lang đến viếng thì ăn cơm ở trong nhà hiếu-chủ; còn những người nhà theo hầu thời cho ở ngoài làng, nhà hiếu đã cắt sẵn mấy trăm người chỉ một việc mỗi ngày khiêng gạo, rượu, thịt, mắm, muối, ra phát cho các sở người ta làm lấy người ta ăn.

Nhà lang trong xứ mường có 6 họ, ở xa cách mấy ngày đường mặc lòng, có thư cáo về việc hiếu thời đều đến, không ai dám bỏ qua bao giờ.

Sau khi cử-hành an-táng, dân phải cắt người làm trại bên cạnh nhà lăng (mộ) để canh giữ đủ trăm ngày, vì rằng trong nhà lăng nhiều đồ, nên phải ở canh giữ như thế; đủ trăm ngày làm lễ rồi đốt đi mới thôi.

Tục cưới nhà Lang. — Khi con ông Thổ-lang trưởng thành, thì dân tự ý đi các nhà thổ-lang khác, trọn một cô nàng khôn-ngoan có hiền đức, về nói với lang, xin lấy cô nàng nhà ông lang chỗ ấy cho con giai lang, để về làm *bà trưởng* hay là *bà chu*. Dân bằng lòng thời lang cũng bằng lòng, rồi đem đồ sánh-lễ đến hỏi, bạc 2 nén, vóc rồng một tấm, dầu cau 20 gánh, mía trăm đôi, trè tầu 2 cân, đường mật 20 cân, đem đến nhà ông thổ-lang có cô nàng để làm lễ vấn-danh.

Khi ấy ông lang có con gái bằng lòng gả thì làm thịt trâu, bò, lợn để làm lễ thết đãi họ nhà rể, ăn uống song rồi trở về. Độ năm ba tháng sau, ông lang có con gái cho người sang nhà rể cắt đồ sánh-lễ, bạc 10 nén, vóc rồng 2 tấm; sanh đồng từ 30 tuổi giở xuống để sắp cái nọ vào lòng cái kia, cho đến sanh 3, 4 tuổi, ước độ 25 cái sanh; mũ vóc 12 chiếc, áo tấc 12 chiếc; trâu, bò, lợn, gạo, rượu, phải cho đủ cho họ nhà gái ăn uống. Những áo mũ nói trên này, khi rể dẫn đến, thì ông lang phát cho kỳ-mục ở làng mình được mũ áo ấy, là phần thưởng công nuôi-nấng cô nàng đến trưởng thành, cho đến nay làm dâu làng khác.

Khi bên nhà gái cắt lễ xong thì bên nhà giai những kỳ-mục lại đến bên nhà gái cắt của hồi-môn cho nàng dâu, chăn đệm toàn làm bằng gấm vóc, phá-lào, ít ra cũng phải 60 bó; gối dựa, gối ngủ đem về biếu, ít ra cũng 60 đôi; những thứ này là thứ tốt, đem về biếu bố mẹ chồng và họ-hàng nhà chồng, còn như chăn gối thường, ít ra cũng phải 500, chăn thường, ít ra cũng phải 200, gối thường thì khi nàng dâu về làm dâu, phải phát cho kỳ-mục mỗi người một cái, còn chăn thường thì khi nhà chồng có khách thì nàng dâu phải lấy cho khách đắp, và kỳ-mục dân đắp.

Những con gái bình-dân (bên nhà gái), ít ra cũng phải hai ba trăm đến nhà lang để đi đưa dâu với cô nàng. Khi rể đến cổng nhà dâu, thì bọn con gái ấy nó đóng cổng

lại, mà ở bên trong cổng thì sắp sẵn những củ ráy và quả khế ; khi con gái đóng cổng thì bên rể đã có bà mối nói với bọn con gái lấy bao nhiêu tiền lệ ; những con gái thu tiền lệ hoặc 15 đồng hay 20 đồng đủ rồi, thì họ mới mở cổng ra cho rể và khách bên rể vào ; rồi bọn con gái lại lấy những quả khế và củ ráy ném chàng rể và khách nhà rể, đau mặc lòng, không được chống-cự lại. Bên nhà gái lấy của sánh-lễ, làm lễ tổ-tiên, rồi chàng rể làm lễ giường thờ, rồi làm lễ bố mẹ vợ và họ hàng chú bác nhà vợ, ăn uống mấy hôm, rồi mới đón nàng dâu về.

Bên nhà gái, người đưa dâu, ít ra cũng đến hơn 1000 người ; võng nàng *biêng* (các cô nàng đi đưa dâu) ít ra cũng đến 20 chiếc. Khi võng nàng dâu đến thang màn nhà chồng, bên nhà chồng đã sắp sẵn một cái sanh đồng to (20 tuổi), đổ nước để ở dưới thang màn, để họ nhà dâu rửa chân ; còn nàng dâu vẫn nằm ở trong võng, vì những người cáng nàng dâu, chưa được nhà rể nộp tiền lệ cho chúng thì chúng chưa cho nàng dâu xuống. Khi bên nhà rể cho đủ tiền lệ cho những người cáng, họ mới cho nàng dâu xuống. Khi nàng dâu xuống võng rồi, những nàng biêng đội nón nghệ che đỡ cho nàng dâu chèo lên thang màn ; bên nhà rể đã bầy hương-án, nhang-đăng sẵn thờ ông táo-quân, chính nàng dâu phải cầm nón mà lễ bốn lễ.

Khi ấy bên nhà rể đã cắt một người đàn bà giầu có song toàn, đủ cả con giai con gái, chực sẵn ở đấy ; nàng dâu lễ song, thì chính người đàn bà ấy cầm bỏ nón nghệ cho nàng dâu và đưa vào buồng ngồi.

Khi làm lễ tổ, nàng dâu phải mặc áo vóc rồng ra lễ giường thờ, song rồi lễ bố mẹ chồng và họ hàng nhà chồn , rồi nàng dâu lễ những kỳ-mục to ở trong làng. Song rồi, kỳ-mục lại đem tất cả dân lạy mừng nàng dâu, chính người kỳ-mục nhất ở trong làng xướng to lên rằng : « Nay được ngày lành tháng tốt, đón bà về cầm đất cầm nương ; đặt tên bà là *bà Chu* (hay là *bà Trưởng*), để cho dân mường được làm ăn thịnh-vượng ; bà sinh ông Chu nàng Ả để nối nghiệp, cho dân được trông cậy ; khi dân có vận-hạn hay là đói kém, bà phát trâu bò đỡ cho dân. »

Hoặc như con lang lấy con gái nhà kỳ-mục hay là con gái nhà dân, dù lấy về trước mặc lòng, sau dân đi cưới bà Chu hay bà Trưởng, thì người con gái nhà dân cũng là nàng hầu, chứ không được là bà cả. Khi lang lấy con gái nhà dân thì lang cưới lấy, chứ dân không phải giúp đỡ.

Con trưởng lang thì tất là ông *chu* hay là ông trưởng ; con thứ thì đặt là *ông mường*, con gái thì đặt là *nàng ả* ; thứ hai thì gọi là *nàng hai*, v. v.

* * *

Chức-phận dân mường đối với nhà lang.— Ngoài hai việc hiếu hỷ, chức-phận dân mường đối với nhà quan lang, như là : Nhà cửa của lang, dân đều phải làm ; khi lợp nhà song thời lang làm thịt trâu bò lợn cho tất cả dân từ già chí trẻ đều được ăn uống và lấy phần.

Ruộng của lang, dân phải cầy cấy ; khi lúa chín thời dân phải gặt đem về để vào kho cho lang. Khi dân cấy ruộng cho lang thời lang cũng làm thịt trâu bò lợn cho tất cả dân ăn uống và lấy phần.

Trong nhà lang thời dân phải cắt người hầu-hạ và canh giữ.

Lễ-tục các quan lang giao-tiếp với nhau.— Ông quan lang này đến chơi nhà ông quan lang khác, đường cách xa thường năm bảy ngày, các quan lang thời đi bằng ngựa, các bà thời đi bằng võng ; khi đã đến nơi thời chủ-nhân làm thịt bò lợn để thết đãi cơm rượu, ở chơi thường năm bữa nửa tháng, hoặc đến một tháng. Dẫu không quen biết mà ông nọ đến chơi với ông kia, cũng thết đãi trân-trọng tử-tế như thế.

Thảng hoặc một ông quan lang ở cách xa bao nhiêu mặc lòng, dân và nhà ông quan lang ấy bị giặc-dã tàn phá, thời tất cả họ hàng nhà ông quan lang ấy đến ở nhờ nhà ông quan lang chỗ yên-ổn kia để nương tựa, ở một năm hay là hai năm, nhà ông quan lang kia cũng nuôi-nấng thiết-đãi trọng thể. Khi nào làng ông quan lang kia đã yên ổn, thời chính ông quan lang cho nương tựa lại lấy người đưa về bản-quán ; ở chơi năm bảy hôm mới trở về.

Từ xưa Tiền-triều, các nhà quan lang ở vùng này vẫn giúp đỡ nhau như thế.

(còn nữa)

DƯỚI BÓNG GIĂNG TRONG

Bài này Jaurès Tiên-sinh viết năm 1890, khi sắp nhập phái xã-hội.

Đêm kia, ở vùng thôn-quê, tôi đi chơi nói truyện với người bạn thiếu-niên vừa tốt nghiệp tại trường cao-đẳng thực-nghiệp, lại thêm lão-luyện về khoa văn-chương, học-lực uyên bác mà tư-tưởng cao thâm.

Chúng tôi thung-thăng trên nơi cao nguyên cho-trụi, phía tả có rẫy gò chạy liên-tiếp, chiếc nọ chiếc kia chỉ cách nhau một cánh đồng cỏ hẹp như hình sơn-khê. Giăng tròn chiếu ánh xuống quảng rộng, quang-đãng tốt tươi; trót-vót trên giời thì các vì tinh tú lờ-mờ lấp-lánh, trông rất có vẻ êm đềm cảm động. Trước mặt chúng tôi, con đường trắng xóa, dưới bóng giăng trong, chạy thẳng tới chốn tịch-mịch hư-vô, ở nơi chân giời mịt-mù thăm thẳm, khúc sáng khúc tối, tựa hồ như đưa chúng tôi từ xứ thực-tại đến xứ mộng-ảo vậy. Tôi thưa cùng bạn rằng:

« Ở xã-hội hiện-thời này, không phải tôi chỉ tức giận vì những sự cùng-khốn thuộc về vật-chất mà thôi; những sự cùng-khốn đó ở dưới quyền một chính-phủ lương hảo, có thể cũng thuyên giảm được; nhưng tôi rất lấy làm bực-tức vì những sự phồ-thông thuộc về tinh-thần: cạnh-tranh một ngày một thêm kịch-liệt, các đẳng-cấp một ngày một thêm chếch-lệch, thì những sự phồ-thông đó lại một ngày một thêm bành-trướng.

« Lao-động đáng lẽ phải là một chức-trách, phải là một sự duyệt-lạc, thế mà nhiều khi chỉ là một sự ức-chế, một sự đau-đớn; đáng lẽ phải là cuộc chiến-đấu của loài người hợp-sức để chống lại loài vô-tri vô-giác, để chống lại những sự ngẫu-nhiên của tạo-hóa cùng những sự bất-trắc của tang-thương, thế mà thường thường chỉ là một trận quyết-liệt của người lại chọi với người, dùng hết cách giảo-quyệt để tranh-giành nhau mọi sự khoái-lạc, đem hết lòng tham ngạnh ra mà chiếm-đoạt lợi-tức lẫn nhau, khỏe đè yếu, lớn nuốt bé, cạnh-tranh một cách rất là tàn bạo bỉ ải, không còn biết giới-hạn là đâu nữa.

Trong bọn người mà ta gọi là hạng người sung-sướng, thực ra cũng không có ai được sung-sướng, vì họ bị những tính-chất bạo-ngược của sự sinh-nhai nó ràng buộc, nó không cho họ có quyền được công-bằng quảng-đại; nếu không tuân theo nó thì sẽ bị vùi lấp ở dưới làn sóng nhân-loại ngay. Trên bãi chiến-trường bao-quát khắp gầm giời đó, có kẻ làm nô-lệ cho sự phú-quý, cũng như có kẻ làm nô-lệ cho sự bần-tiện. Dù ở bọn thượng-lưu, dù ở bọn hạ-lưu, cái kỷ-luật của xã-hội hiện-thời chỉ đào tạo ra rặt một giống nô-lệ, vì những kẻ không có đủ thì giờ, không có đủ mãnh-lực để sống một cách cao-thượng, sống bằng tư-tưởng, sống bằng linh-hồn, thì chưa thể gọi là hạng người tự-do được.

« Mà bác thử nhìn xuống xem, đã cực-khổ chưa? không phải cực khổ về cách sinh-nhai mà chính cực-khổ về sự sinh-nhai vậy. Bác hãy ngắm hàng triệu thợ thuyền kia, xem làm-lụng trong nhà máy, trong công-sưởng, mà không có một chút quyền lợi gì về những nhà máy ấy, về những công-sưởng ấy, có lẽ ngày mai họ bị đuổi cũng nên.

« Những máy móc họ lau chùi kia, họ cũng không có một chút quyền lợi gì, không được hưởng một phần cỏn con nào về những khí-cụ lớn-lao mà nhân-loại đã sáng tạo dần dần ra từng mảnh một. Họ đều là hạng người không có can-hệ gì đến cái năng-lực của nhân-loại, mà dễ cũng hầu không có can-hệ gì đến cái văn-minh của nhân-loại vậy.

« Những mỏ cùng sông, những hải-cảng đường sắt, những công-trình kỳ-dị của hơi nước và điện-khí, hết thảy những sự vĩ-liệt phi-thường đã làm cho loài người được có quyền tự-cao tự-đại, về những công-cuộc đó họ không có một chút tài-cán gì, họ chỉ là những vật-liệu vô linh-hồn mà

thôi. Họ không được dự vào những hội-đồng xếp đặt, và quản-lý những công-cuộc đó. Hết mọi việc quan-trọng đều ở trong tay một giai-cấp hạn-chế được riêng hưởng cái thú-vị về đường tinh-thần, về đường sáng-kiến, cũng như họ riêng hưởng hết các khoái-lạc về đường vật-chất vậy. Nếu không đoàn thể hợp quần mà người ta có thể sung-sướng được, thì bọn đó thực đã sung-sướng. Biết bao triệu con người lao-động, một đời đã thành máy móc. Mà ghê-gớm thay, nếu mai họ có thể lấy máy thay người được, trong nhân-loại cũng không có chi thay đổi cả.

Đến khi đảng xã-hội đã toàn thắng thì không thế nữa. Khi cái quang-cảnh hòa-bình đã kế tiếp cái quang-cảnh chiến đấu, khi mọi người ai ai cũng có phần lợi ở trong tư-bản lớn-lao của nhân-loại, có phần sáng-kiến, có phần dục-nguyện ở trong những công-trình vĩ-đại của nhân-loại, thì cái tinh cao thượng và cái lòng duyệt-lạc của ai cũng sẽ được hoàn-toàn, khi đó thì hết thảy mọi người đều sẽ phải công nhận rằng cái cách lao-động bằng hai bàn tay cũng có thể giúp cho sự tiến-hóa của văn-minh toàn thế-giới, mà cách lao-động như thế cao-thượng biết bao, thân-mật biết bao. Vì ai cũng sẽ để ra ít thì - giờ nhàn-hạ mà ngẫm-nghĩ đến cuộc đời.

« Khi đó thì hết thảy mọi người ai ai cũng thấu cái nghĩa sâu xa của đời người, họ sẽ hiểu cái mục - đích thần-bí của đời người là ở sự hòa thuận các lương-tâm, ở sự hòa-duyệt các năng-lực và tự-do của loài người. Họ sẽ hiểu và họ sẽ thích khoa sử-ký, vì sử - ký sẽ chép đời họ, vì họ sẽ là thừa - tự của nhân - loại. Sau hết họ sẽ rõ nghĩa chữ vũ-trụ, vì họ thấy trong nhân-loại, lương - tâm và lương-trí được toàn thắng, thì họ hiểu ngay rằng vũ-trụ bao bọc cả nhân-loại ở trong lòng, không khi nào lại tàn nhẫn với nhân-loại được, và ở trong vũ-trụ không chỗ nào là không có tinh thần, không nơi nào là không có linh hồn, mà chính vũ-trụ cũng chỉ là một tấm lòng nguyện-vọng to tát khao-khát được có trật-tự, được có toàn mỹ, được có tự do, được có toàn hảo mà thôi vậy. Họ sẽ đem con mắt dịu-dàng, tấm lòng trong sạch mà ngắm, không những hết thảy mọi người là anh em họ mà cả đến đất cùng giời, cả đến đá cùng cây, cho chí loài vật, cỏ hoa, cùng các vì tinh tú nữa.

« Ấy đó, vì thế mà ta có thể tư-tưởng đến những sự cao xa ở giữa cảnh đồng mông-mênh dưới gầm giời sao sáng. Phải, chúng ta có thể xin cái ban đêm tuyệt mỹ này chứng-quả cho những lời nguyện-vọng tuyệt-mỹ của chúng ta, chúng ta có thể hoà-hợp cái êm-đềm mơ-tưởng của loài người với cái êm-đềm vĩ-liệt của vạn-vật vừa yên-tĩnh vậy. »

Nhà bác-vật thiếu-niên đáp rằng:

« Bác biện-luận rất đúng. Nhưng sao bác không nói sự tiến-hóa của xã-hội mà lại cứ nói đảng xã-hội ? Sự tiến-hóa của xã-hội là một sự thực, đảng xã-hội chỉ là một tiếng, chỉ là tên một phái lơ-thơ, nói khoác mà cục-cằn; ngay trong phái cũng lục-đục chia rẽ đó, không phải là một cái năng-lực cần-trọng của sự tiến-hóa. Vẫn biết cũng có nhiều vấn - đề phải giải quyết như ý-kiến đảng xã-hội, nhưng không bao giờ có thể có một chính-phủ tựa vào đảng xã-hội mà hành chính được ; vì một chính-phủ muốn cải-cách và chấn-hưng các sự hiện - tại, tất phải tựa vào sự-thực, thế mà đảng xã-hội lại tự nhận cái chức-trách tố-giác, tự nhận là tân-thánh-kinh, tựa vào tương - lai mà đào tạo tương-lai.

« Nói thực ra thì ở xã-hội hiện - thời, những tài liệu về vấn-đề ấy cũng đã có dư, mà các cách giải quyết cũng đã trần-thuyết cùng khởi-thảo cả : Vấn-đề xã-hội có phải tóm tắt ở mấy câu này không : "được tự-do chính-trị, mở trường cho dân học, bọn lao-động được có quyền doanh-nghiệp tự-do" ? Thế nhưng sự tự - do chính - trị đã có sự giáo - dục thì vẫn một ngày một cao, mỗi ngày một mở rộng trong thế-giới lao-động, mà bọn lao-động thì vẫn có quyền được tụ-tập tự-do (đây là nói ở bên Pháp).

« Khi họ học đã cao lên một bực nữa thì họ sẽ đem tư-tưởng, đem tinh-thần mà dự vào hết các công-trình lớn - lao của nhân-loại ; khi giá-trị họ, tinh - tình họ đã cao lên một trật nữa, thì giá-trị ấy, tinh-tình ấy

sẽ phản động ra ngoài mà dẫn-đạo cho xã-hội. Chẳng lạn nếu hết cả trẻ con trong dân-gian đều đi học, đều chịu một cái giáo-dục sinh-hoạt tốt tươi, thì kẻ lao-động, làm việc có thời hạn, không thể không bỏ ra mỗi ngày vài giờ nhàn-hạ mà đọc sách, mà di dưỡng tinh-tình được. Lúc đó cái khoái - lạc của tinh - thần đã thành một sự cần thiết vậy. Vả khi họ đã hiểu thấu cái cơ - quan của sự xuất - sản, của sự giao - dịch ; khi họ đã rõ cái hình-trạng các kỹ - nghệ và kỹ - nghệ của họ, đã biết nơi nào có những thị-trường để tiêu - thụ hàng - hóa kỹ - nghệ của họ, đã rõ tư-bản kỹ-nghệ ấy là bao nhiêu, và phải bỏ vào bao nhiêu nữa thì có thể mở-mang rộng thêm ra được ; khi họ đã hiểu các lẽ đó mà lại sẵn đã có tự-do, có giáo-dục, có hợp-quần, thì lo gì không được dự vào hội-đồng quản-lý các công-ty ; về sau dần dần không đứng quản-lý hẳn những công cuộc trung-bình được. Thế có phải họ sẽ được dự một phần lợi-tức, một phần quyền bính, một phần thế-lực không ?

« Song xin nhắc lại một lần nữa rằng : những sự đó không cần phải bàn tán ầm-ỹ cũng sẽ thành tựu, và ta sẽ đi đến tận cực-đoan đảng xã-hội mà không cần phải gặp đảng xã-hội ở giọc đường. Các nhà thủy-thủ lão-thành vẫn lòe những kẻ mới bắt đầu đi bể rộng, từ Bắc-cực sang Nam-cực phải vượt qua đường xích-đạo căng thẳng trên mặt nước. Không, ta không gặp con đường nào cả, mà nếu ta không tính toán tỉ-mỉ thì ta cũng không biết ta vượt qua xích-đạo lúc nào. Vậy thì ta sẽ vượt qua đường xã - hội mà ta cũng sẽ không ngờ rằng ta vượt qua lúc nào.

« . . . Có kẻ động nói đến tương-lai là dùng chữ hoa, và thường đem tương-lai phản đối với ký-vãng cùng hiện-thời, tựa như đem cái vòng ánh sáng thiên-thần mà so sánh cái hang tối-tăm ma-quỷ. Lúc nào họ cũng tưởng-tượng có luồng gió tương-lai chạy qua mái tóc họ, rung động chùm râu họ. Họ chờ đợi nhân-vật tương-lai, khoa-học tương-lai, xã-hội tương-lai, mỹ-thuật tương-lai, tín-ngưỡng tương-lai. Thiết tưởng họ cho mặt giời kia là chiếu ánh sáng ít-ỏi quá, quê-mùa quá, và họ cũng chờ đợi một vùng thái-dương tương-lai đấy.

« Họ vẫn yên trí rằng các linh-hồn sắp cháy bùng lên, sắp sôi sục lên mà đào-tạo nên xã-hội mới, cũng như khối lửa trong lòng quả đất đã đào-tạo nên những ngọn núi mới. Cái hy-vọng kiêu-căng biết bao ! Vì họ vẫn tự nhận cái chức - trách chỉnh – lý nền xã-hội mới đó. Lòng đại-độ huyền-hoặc sao ! Tính khoe-khoang quái gở sao ! Xã-hội của nhân-loại cũng như quả đất, hình-thức đã gần nhất-định rồi, hoán cải chút đỉnh thì được, chứ canh-tạo hẳn lại thì thực vô-lý.

« Sự tiến-hoá của nhân - loại đã đến cái thời - kỳ bình tĩnh, song không phải thời - kỳ kém phần phong - nhiêu. Pascal tiên - sinh ngược mắt ngắm giời mà kêu lên rằng : « Sự yên-tĩnh muôn đời của quãng rộng không bờ kia, làm cho ta khiếp sợ. » Câu đó đã an-ủi lòng tôi, khiến tôi quên những cuộc chiến-đấu về vụ bảo-cử, những lời lăng-mạ cùng những bài trào-phóng đăng ở các báo-trương. Vũ trụ vẫn lẳng lặng mà theo đuổi các công-trình của vũ trụ, không gào hét ở trên từng cao chót vót kia, không viết chương-trình chói-lói vào hàng tinh-tú bình-tĩnh kia.

« Thiết tưởng xã-hội Pháp-lan này đã đặt vào trong cái thời-kỳ đầm-ấm đó, khiến các công-cuộc đều thi-hành một cách không ầm-ỹ náo-động, vì các công-cuộc đó đã đến thời-kỳ khai hoa kết quả, sẽ có cải cách mà cải cách cũng vĩ-đại ; song những sự cải-cách đó không cần có tên, mà cũng không làm mất được sự hòa-bình của quốc–gia, tỉ như quả chín kia rụng, không làm sao động được những ngày êm-đềm của mùa thu vậy. Nhân-loại tuần tự mới trèo tới mục-đích là tình hòa-thuận công bằng, cũng như quả đất mang chúng ta yên-lặng, nọi tới con đường nhỡn-tuyến tinh tú kia. »

« — Chết, tôi xin cãi, tôi có nhiều ý-tưởng muốn bầy tỏ cùng bác. »

« — Không, không, xin bác đừng cãi tôi tối hôm nay vội. Bác hãy ngắm xem, bác hãy nghe xem. Trong khi chúng ta mơ

tưởng đến tương-lai, trong khi chúng ta cãi lý cùng nhau, thì hết thảy sinh-vật đương hưởng cái thú-vị của giờ này, cái êm-đềm của ban đêm tươi tốt này. Kìa các chủ nhà quê từng tụm đi bẻ ngô, đương họp nhau trong trại, họ cả tiếng hát ran. Con rắn nước dật mình thức dậy, quẫn-quại mấy cái, rồi lại ngủ liền ở dưới đám cỏ mờ-mờ mịt - mịt. Dưới rặng lúa chín, trong đồng cỏ khô, các con trùng vẫn còn ca hát; âm nhạc của chúng tuy không được déo - dắt đầm - ấm như đêm xuân đêm hạ, song nếu chưa đến nỗi lạnh-lẽo như đêm đông thì chúng xin hát kỳ-cùng. Ở giữa đồng, ngọn lửa cỏ khô bốc lên rực-rỡ, bao bọc ở trong cái ánh sáng dịu-dàng của mặt giăng, có phải linh-hồn của trái đất bùng lên mà hòa-hợp với cái tia sáng huyền-bí của bầu trời đó không? Đàn chó ngồi rồi, sủa theo chiếc xe uề-oải, ngọn đèn lờ-mờ chiếu sáng, con lừa cỏn con kéo trên con đường xa lắc, chú vọ tán tỉnh trong bóng cây cao, quả chin tí-tách rơi bên vệ đường, con thanh-xà phun phì-phì ở gần nơi giếng nước, trời quang-đãng, đất xướng ca. Thôi, tôi xin bác cứ để mặc vũ-trụ phân phát sung-sướng cho công-bằng, cho đủ khắp mọi giống sinh-vật. Vũ-trụ đã có cách riêng theo phái xã-hội của vũ-trụ».

Việt–Cuồng dịch.

VĂN - THƠ

Bài hịch đánh Vũ-Triếu

Nàng *Vũ-Triếu* nguyên là hậu-cung vua Thái-tôn nhà Đường; vua Tái-tôn mất, con là vua Cao-tôn lên ngôi, lấy Vũ-Triếu làm hậu-phi. Vua Cao-tôn lại mất, Vũ-Triếu bèn cướp ngôi nhà Đường, tự lên làm vua, giết con cháu nhà Đường rất hại; cả con mình đẻ ra, cũng giam ở một nơi; chỉ dùng những các cháu về họ Vũ cho làm quan; lại gian dâm với mấy kẻ bầy tôi đẹp giai, nhiều điều rất xấu-xa càn rỡ. Vì thế, *Từ-kính-Nghiệp* là tướng-quân nhà Đường, khởi quân lên để đá h họ Vũ, cậy *Lạc-tân Vương* là một nhà đại văn-hào đương-thời thảo bài hịch truyền dụ cho quan lại nhân dâ i các châu quận. Bài hịch này là văn của *Lạc-tân - Vương* mà nhờ của *Từ - kính-Nghiệp* vậy.

* * *

Đứa Ngụy-triều họ Vũ đó,
Phú tính điêu-toa,
Vốn nòi đê-tiện.
Triều Thái-tôn thủa trước, phiên trầu từng theo ghép đội thanh-y;
Buổi vãn-tiết về sau, mắu bợm lại quấy hôi nơi tử-cấm.
Giả dối lừa riêng Tiên-đế, gọt tóc lần vào chùa,
Khéo-khôn chiều lấy hậu-phòng, cúi đầu luồn dưới mái.
Đong-đưa ghen ghét, thói mày ngài chẳng chịu thua người.
Uắn-éo rèm pha, nhời miệng khiếu làm mê lòng chúa.
Chồng chung lẽ làm cả, khiến hậu-phi một phút mất quyền.
Vợ chạ cha rồi con, để chủ-thượng nghìn thu mang tiếng.
Vả lại,
Lòng như rắn rết, ngậm nọc chực phun người;
Nết tựa sói mèo, ăn con không xót ruột.
Lả-lơi gần-gụi, chỉ những phường xanh vỏ đỏ lòng.
Tàn hại đọa-đầy, biết bao kẻ gan vàng dạ sắt.
Nào anh nào chị, cùng bị giết oan;
Kìa mẹ kìa vua, cũng đều chết uổng.
Người đã ghét, quỉ thần cũng ghét;
Giời không dong, đất nước không dong.
Thế mà,
Dạ thú vẫn đèo-bòng,
Ngai rồng còn ngấp nghé.

Chút con thiên-tử, tội chi mà giam cấm một nơi ;

Đảng giặc đồng-tông, công đâu cũng trao dùng mọi chức.

Than ôi !

Hoắc-tử Mạnh (1) nay khôn sống lại ;

Chu-hư-hầu (2) xưa đã thác rồi .

Cái điềm con én mồ người, nghiệp họ Hán đến ngày sắp hết (3) ;

Câu truyện nhãi rồng rày áo, sân nhà Hạ tới lúc dần suy (4).

Kính-Nghiệp đây,

Tôi cũ nhà vua,

Con giòng cửa tướng ;

Nề-nếp sẵn tiền-nhân để lại,

Móc mưa nhờ bản-quốc đã nhiều.

Ca Vy-tử mấy khúc thảm thương, cũng vì cớ đó (5) ;

Lệ Quân-sơn đôi hàng chan-hứa, há sự bỗng dưng (6).

Vì thế mà,

Khí căm xông thẳng giời mây,

Chí cả muốn yên xã tắc.

Nhân lúc giang sơn vắng chủ, khắp gậm giời cho-chồng bơ-vơ ;

Thuận bề dân chúng quây-quần, xuốt trong nước trông mong tin cậy.

Đã ra sức dựng cao cờ nghĩa,

Quyết sấn tay quét sạch hơi iêu.

Bên giải giời nam, xứ Bách-Việt dốc lòng hợp sức ;

Trên miền đất bắc, cõi Tam-Hà một dạ cùng thề.

Ngựa tế từng đàn.

Xe bon chen bánh ;

Chốn chừ-tích gò cao bể thẳm, thóc đỏ đầy khê ;

Bóng quân-dong bến khuất sông che, cờ vàng sáng rực.

Tiếng còi sẽ rít, cơn gió bắc đùng đùng ;

Ánh kiếm cao xông, bóng đầu nam mờ-mịt.

Ba quân hò hét, núi lở non nghiêng ;

Một tiếng gầm gào, mây bay gió quấn.

Binh-uy ấy dùng mà trừ giặc, ngói tan trúc chẻ, cơ phá địch có là bao ;

Binh-uy ấy đem mà lập công, cờ mở trống dong, cuộc khải-hoàn dành chẳng khó.

Lũ các ông,

Hoặc người ở chung đất Hán ,

Hoặc người cùng họ nhà Đường,

Hoặc người vâng trách nặng ở chốn ải mây,

Hoặc người nhận nhời dặn ở nơi cửa cấm.

Tiếng nói bên tai còn vẳng,

Chữ trung trong dạ phải ghi.

Mặt rồng tuy đã xa-sôi, nắm đất nọ hãi còn chưa ráo ;

Chiếu phượng biết bao gắn bó, con côi kia những cậy vào ai.

Nếu ai biết bỏ đường dữ, theo đường lành.

Để ta cùng đưa người thác, thờ người sống.

Mài đòng chuốt giáo, thù non sông quyết giả bằng song ;

Tạc đá ghi vàng, ơn cơm áo phải đền cho trọn.

Thời hốt ngà ấn ngọc, việc thưởng công không hẹp chi ai,

Mà khoán núi thề sông, cuộc hưởng phúc rồi đây chẳng hết.

Nhược bằng, thành nghèo còn mến tiếc, nhời bảo trước đã không nghe ;

Lối tắt vẫn quanh-co, tội đến sau dừng có trách.

Mắt tai trong nước đó, kẻ biết cơ thử ngẫm mà coi ;

Non nước gậm giời này, ai là chủ rồi mai sẽ rõ.

Ngô-tất-Tố dịch.

---

1. — Ông Hoắc-Quang làm tướng nhà Hán, bỏ vua Xương-Ấp. Câu này dùng về điển ấy.

2. — Nàng Lã-hậu là vợ vua Cao-tổ nhà Hán, định cướp ngôi nhà Hán sang họ Lã , Ông Tru-hư hầu Lưu-Trương là tôn-thất nhà Hán, nhân một tiệc rượu, cầm gươm chém người nhà họ Lã, làm cho Lã-hậu mất âm-mưu, Câu này là dùng về điển ấy.

3 — Nàng Triệu-phi-Yến là hậu-phi vua Thành-đế nhà Hán, giết hại con cháu nhà Hán. Câu này dùng về điển ấy. — Yến là con én.

4. — Đời nhà Chu có nàng Bao-Tự, là cái quái nhãi con rồng hóa ra, rồi mà làm cho nhà Chu đến thất bại. Câu này dùng về điển ấy.

5. — Ông Vi-tử là tôn-thất nhà Ân, sau lúc nhà Ân đã mất nước, đi qua chỗ kinh-đô xưa, thấy đồng lúa xanh tốt mà làm bài thơ cảm thương.

6. — Viên-An là bề tôi nhà Hán, vì vua nhỏ, họ ngoại truyền quyền, nói đến việc nước thời thổn thức chảy nước mắt.

Ba bức thư tình đưa người tình-nhân không quen biết

Tôi nghĩ trong xã-hội tất có người không quen biết mà rất là thân-thiết, đã thân thiết thời có thể gọi là tình nhân, cho nên ở cuối quyển KHỐI-TÌNH-CON thứ hai, tôi có viết một bức thư đưa ; đến hai năm không thấy giả nhời, sau đã có thơ trách. Từ khi có bức thư trách ấy đến nay, lại đã đến sáu năm mà cũng vẫn không thấy giả nhời, cho nên nay lại phải có thư trách. Song nghĩ: thư đưa thời đưa, trách thời trách, nhưng ai là tình-nhân đó biết có tiếp hay không? Vậy nay lại in cả ba bức thư tình sau trước, gửi đưa ai tình-nhân.

I. — Thư đưa người tình-nhân không quen biết.

Ngồi buồn lấy giấy viết thư chơi,
Viết bức thư này gửi đến ai.
Non nước xa khơi tình bỡ ngỡ,
Ai tri-âm đó nhận mà coi.

Ngàn mây biếc long-lanh đấy nước,
Bóng tà-dương ngả gác non đoài.
Tranh kia ai vẽ cho giời,
Ngoài sơn thủy lại một người đứng chơ.
Hồn kiếp trước ngẩn-ngơ chưa tỉnh,
Mối tình riêng vơ-vẩn càng thêm ;
Tuyệt mù tăm cá hơi chim,
Nào người nhớ hỏi thăm tìm là đâu ?
Kể từ độ lọt đầu xe tóc,
Cũng cùng mang tiếng khóc mà ra.
Cội sầu ta lại với ta,
Lọ quen biết mới gọi là tương tri.
Cơn gió thảm có khi cùng khóc,
Bóng giăng thanh lắm lúc cùng chơi ;
Gượng vui cùng một nét cười,
Nguyệt hoa cùng trải nước đời như nhau.
Bể trần hải chẳng sâu mà sóng,
Cầu hành-tinh đã rộng thêm tròn,
Tài tình một gánh con con,
Đông, tây, nam, bắc, ai còn gặp ai.
Nồi bèo nước đã thôi thời thế,
Tình cỏ sương khôn dễ mà khuây.
Phòng văn giở lại gót giầy,
Chén tương-tư rót cho đầy lại vơi.
Tấc son rãi mấy nhời huê bút,
Tờ giấy bay theo ngọn gió đông.
Lòng kia hỡi có in lòng ?
Nước non khơi cách nghìn trùng chưa xa.

II. — Thư trách người tình nhân không quen biết.

Ngồi buồn ta lại viết thư chơi,
Viết bức thư này gửi trách ai.
Non nước bấy lâu lòng tưởng nhớ,
Mà ai tri-kỷ vắng tăm hơi !

Đỉnh non Tản mây giời man-mác,
Giải sông Đà bọt nước lênh-bênh,
Bao nhiêu cảnh, bấy nhiêu tình,
Nước kia mây nọ như mình với ta.
Người đâu tá ? quê nhà chưa tỏ ;
Tuổi bao nhiêu ? tên họ là chi ?
Đã sinh cùng nước cùng thì,
Cùng ta không biệt mà ly hỡi mình !
Kể từ độ thư tình gửi nhắn,
Trải bao năm tin nhạn chờ mong ;
Những là ngày hạ đêm đông.
Hồi-âm chẳng thấy, như không có mình.
Hỏi cùng núi mây xanh chẳng biết ;
Hỏi cùng sông, nước biếc không hay ;
Sông nước chảy, núi mây bay,
Mình ơi có biết ta đây nhớ mình ?
Cuộc trần-thế công danh chẳng thiết,
Áng phong-lưu hoa nguyệt đã thừa
Nhớ mình ra ngẩn vào ngơ,
Trông mây trông nước nay chờ mai mong.
Mong giáp mặt, mặt không giáp mặt,
Chờ tin thư, thư mất tin thư ;
Tháng ngày thấm-thoắt thoi đưa,
Tuổi ba mươi lại đã rư một vài.
Câu tri-kỷ cùng ai tri-kỷ,
Truyện chung-tình ai kể chung-tình :
Bụi hồng vắng vẻ mắt xanh,
Mình ơi ta nhớ ! mà mình quên ta !
Không quen biết cũng là quen biết,
Ta nhớ mình, ta viết thư chơi.
Thư tình này bức thứ hai,
Tiếp thứ xin chóng giả nhời cho nhau.

III. — Thư lại trách người tình-nhân không quen biết

Ngồi buồn ta lại viết thư chơi,
Viết bức thư này lại trách ai.
Ai những nhớ ai, ai chẳng nhớ,
Để ai luống những nhớ ai hoài !

Phố Hà-nội tiếng người chưa động,
Báo An-nam giấc mộng đương dài,
Hỏa-xa còi hét bên tai,
Kật mình chợt tưởng như ai gọi mình.
Cho hay vẫn si-tình là thói,
Nào có đâu ai gọi mà thưa;
Trông ra non nước mịt-mờ,
Nghĩ nguồn-cơn lại bây giờ nhớ ai.
Giải sông cũ đầy vơi cữ nước,
Đỉnh non xưa tản mác ngàn mây;
Nước mây ngày tháng đổi thay,
Non sông ngày cũng một ngày khác xưa.
Tình-thư gửi, tới chưa? chưa tới?
Nước non này, ai hỡi! hỡi ai!
Ngư nhàn trông mất tăm hơi,
Nước mây man-mác cho người sầu thương.
Ưa bốn bể đôi hàng lệ ngọc,
Gầy ba đông một vóc sương mai;
Ơn nhà nợ nước hai vai,
Nước nhà ai để riêng ai nặng-nề!
Trông mây nước bốn bề lạnh ngắt,
Ngắm non sông tám mặt sầu cheo.
Đường xa, gánh nặng, bóng chiều;
Cơn giông biển nhớn, mái chèo thuyền nan.
Nghĩ thân-thế, mềm gan lắm lúc;
Nhìn giang sơn, bạc tóc như chơi.
Mong ai mỏi mắt chân giời,
Nhớ ai đi đứng ăn ngồi thần-thơ.
Thế mà gửi tình-thơ hai bức,
Chỉ là ngong tiêu-tức tám năm;
Phải rằng ai hẳn vô tâm,
Núi sông mây nước cũng nhầm bấy nay!
Người ốm yếu, hơi may lạnh chán,
Đêm thu trường, lựa án thâu canh;
Phố-phường dộn-dã trần-thanh,
Ngoài song con sẻ trên cành tiếng kêu.
Truyện non nước còn nhiều chưa hết,
Sẵn bút nghiên lại viết cho mình.
Thử ba này bức thư tình,
Phục-thư chẳng thấy thời dành không ai.

Tản-Đà



Thành cổ Sơn-tây

Sơn-tây thành cổ cũng bền nao!
Bốn cửa còn hai, bốn mặt hào.
Loáng thoáng rêu phong lường đá mốc,
Lưa-thưa cỏ mọc cột cờ cao.
Rình quan Tuần nọ dàn xu-bái,
Trại khố xanh kia linh thể-thao.
Thay đổi gớm cho tay tạo-hóa,
Cảnh xưa, rầy thế, biết mai sao?!

An-sơn

Qua Loa-thành cảm hoài

Hai nghìn năm trước đất thần-kinh,
Qua viếng chiều thu khách dật mình.
Xúm-xít tổ chim cây trước miếu,
Tơi-bời hang chuột đất ven thành.
Tắm châu riếng cũ rêu in đá,
Thi bắn đền xưa cỏ lấp mành.
Bệ ngọc thềm son dâu dấu-tích,
Bóng tà man-mác bãi tre xanh.

Ngô-tất-Tố

Xem bể sinh cảm

Bát-ngát xa trông nước một làn,
Tình này cảnh ấy chứa chan chan.
Thuyền ngư đủng-đỉnh trèo đua mái,
Bãi cát mông-mênh sóng vỗ chân.
Mặt nước nhấp-nhô tăm cá lội,
Chân giời quang-quẻ đám mây tan.
Bể dâu mấy độ đầy chăng tá?
Những tiếc cho công cái dã-tràng!

Trần-viết-Bảo

Miếu Tam-trung

Tật-phong hàn.tuế phân kiên ủy.
Thái-lĩnh hồng-mao đẳng trọng khinh.
Khá khen người chống vững cô-thành,
Vì ơn nặng phải lấy mình làm nhẹ.
Dù thẳng-thốt, thong-dong thời mặc thế,
Thôi cũng liều gia sắt với gan vàng.
Miếu tam-trung nghi-ngút khói hương.
Tiếng thơm để làm gương thiên-cổ.
Nhân sinh tự cổ thùy vô tử,
Lưu thử đan-tâm chiếu hãn-thanh.
Mượn nhời quê mà viếng kẻ trung-trinh,
Mừng thế-đạo đã gây nên khí-tiết.
Cột giời đất gây nền Nam-Việt,
Đem tinh danh mà ghi với sắt son.
Nam-nhi cuộc đã vuông tròn.

Thuật-hoài

Bài này truyền là của cụ Cao-bá-Quát.

Ngoài tam thập, sức nam-nhi đương mạnh,
Chí tang-bồng chưa dễ nhường ai.
Quyết mấy năm giả sạch nợ đời,
Dẫu của trúc lều gianh thì cũng thú.
Xỉ phận vị năng thành vũ- rụ,
Môn tâm thử thậm quí thần-minh.
Chốn hành môn còn di-dưỡng tinh tinh,
Chờ con Tạo ngả-nghiêng rồi sẽ tính.
Gan thiết thạch vốn trong lòng đã định,
Bỗng đất bằng, ầm sóng gió bốn phương.
Bụi trần không chút dính vương,
Trơ như đá giữa giời Nam đứng vững.
Chốn lang-miếu một tay gây dựng,
Mang nợ đời mà giả cái hoàng-oanh.
Chữ rằng "hữu chí-cánh thành."

Chu-Đàm-Anh sao-lục

Tờ chúc-thư

(Xã-hội tiểu-thuyết)

Soạn-giả NGÔ-TIẾP

Trong khi ông Đào-trọng-Vận còn làm Tuần-phủ ở tỉnh Thái-bình, Bản-chí chủ-nhân có tiếp người ở Thái-bình lên nói một câu truyện, sự-tình cũng giống như truyện đây; nay vở tiểu-thuyết này, hoặc là tác-giả tựa vào truyện đó mà viết chăng? Sự không lấy gì làm chắc-bằng, Độc-giả ai có hiếu-sự mà muốn biết cho tường, cứ hỏi ở dân-gian tỉnh Thái-bình tự rõ.

An-Nam tạp chí

I

Trong một cái quán ở dữa một cánh đồng mông-mênh ở một làng kia ở Thái-Bình, có một người đàn ông, trạc 40 tuổi, tay cầm cái ô máy đen, mình mặc cái áo the thâm đã bạc trắng cả hai vai và đeo chiếc quần cháo lòng ống cao ống thấp, chân đi đôi giầy da gót mòn gần hết, mồm nhai tóp-tép miếng rầu, đương trỉ bảo mấy người nông-phu làm-lụng lom-khom ở chung quanh đấy, những gánh lúa hãi còn bừa-bãi ngổn ngang.

Bỗng ở phía cổng làng, có một người đàn ông nữa đội nón chóp rứa đi ra, quần áo chỉnh-tề hơn, mặt đỏ gay; coi bộ như đã có men rượu, cũng đi xuống đồng, bước qua con đường có quán ấy. Người cầm ô vội-vàng vái chào:

— Thưa ông Phó đi đâu thế?

Người đội nón dừng bước lại:

— Tôi không dám, bác Thôn! tôi xuống làng dưới có chút việc quan. Bác ra trông gặt bây giờ chưa về ư?

— Thưa ông, bây giờ hãi còn sớm, nhà cháu phải trông nom cho nó thu-xếp lúa mà cho song mới thể về được. Thưa ông, đã mấy giờ rồi?

Người kia lật áo, vạch cái hầu-bao da ở thắt lưng đeo ở dữa rốn, kéo cái đồng-hồ quả-quít ra xem rồi đáp rằng:

- Gần 4 giờ chiều rồi.

Rồi tủm-tỉm lại nói:

- Bác Thôn chịu khó 'nhỉ, năm nay mùa-màng tốt, Bác lại phải lợp thêm mấy lớp nhà nữa để chứa thóc chắc?

Người kia gãi tai cười nói:

— Thưa ông, nhờ giời vụ năm nay tốt nước, cả vùng ta đều được mùa, nhà

cháu cũng không đến nỗi phải ăn kém; nào dễ được dư thóc đâu mà dễ dành.

— Bác Thôn dấu giấu mãi! Thế bây giờ bác đã cấy thêm được mấy mẫu rồi?

— Thưa ông, cũng chưa được bao nhiêu. Cũ, nhà-cháu vốn đã có dăm mẫu, nhờ tổ-ấm sau cấy thêm được dăm mẫu nữa.

— Thôi thế lại còn gì nữa! chục mẫu ruộng là giầu rồi đấy.

— Thưa ông, ông giậy quá lời. Nhà-cháu mấy năm trước làm không đủ ăn, nên phải cố công cùng sức, một nắng hai sương, khó nhọc lắm, nhờ giời bây giờ mới có được mấy mẫu đất, thì cũng mới đủ ăn với đủ giả nợ.

Người đội nón chép miệng rằng:

— Khéo lắm! Bác có, tôi cũng mừng; việc gì bác phải giấu. Thôi, vô phép bác.

Nói song, người ấy đi thẳng sang cánh đồng bên kia.

Người đội nón ấy là ai? Là người phó-lý đương thứ ở làng ấy, tính-tình thâm độc, hay kiếm truyện cùng người làng, mà súc xiểm việc thưa kiện; người làng ai cũng kinh.

Còn người cầm ô kia là một người điền-chủ ở làng ấy, tên là *Nguyễn-Phu*, tục-danh là *thôn Phụ*. Cha mẹ bác ta xưa vốn giầu có, song không may, nhà hai lần bị cướp, nên cũng chẳng còn gì. Bác ta chỉ có một em giai tên là *Mậu*, tính hoang-đãng, nên anh em không hợp ý. Khi cha mẹ mất đi, còn di-sản mười mẫu ruộng và một số tiền nỗi, có để chúc-thư lại, dặn anh phải chia cho em một nửa phần ruộng và một phần số tiền. Việc phân sản, anh em theo di-mệnh chia cho nhau, có họ hàng chứng-kiến, có làm giấy má theo phép. Anh em khi ấy không có điều tiếng gì.

Tính *thôn Phụ* rất cần kiệm, lại hơi có chút tính biển-lận, nên cơ-nghiệp của cha mẹ cho, không những giữ được, lại khuếch-trương thêm gấp lên.

Danh Mậu tính hoang-toàng, say đắm vào rượu chè cờ bạc, nên bao nhiêu ruộng nương cứ bán dần đi mà ăn hết.

Phụ thấy em hư, vẫn trách mắng đến điều, lại cấm không cho lại cửa. Người em nhân thế, mới có bụng hiềm anh.

Chiều tối hôm ấy, *thôn Phụ* trở về, tự thấy mệt nhọc, cởi áo lên giường nằm. Khi lật chiếu quét phản cho sạch-sẽ, thấy có một phong-thư để giấu ở dưới, *Phụ* lấy làm lạ, hỏi vợ. Vợ nói:

— Lúc trưa hôm nay, có con bé hàng xóm mang cái giấy ấy lại, nói của chú hai gửi đưa cho bố nó. Tôi nghĩ chú nó chắc lại muốn vay mượn gì đấy, nên không muốn cho bố nó xem, mới cất vào đó.

Thôn Phụ mở thư ra xem, thư viết bằng chữ nôm.

Rằng:

« *Tôi là Mậu, có lời lại thưa với bác* « *rằng: độ này trong nhà tôi khốn quẫn vạn* « *phần, cơm lo có bữa sớm không có bữa* « *tối; vợ con nheo-nhóc khổ-sở lắm. Xin bác* « *nghĩ tình anh em, cho vay vài nồi gạo,* « *để độ-nhật trong mấy hôm, cám ơn* « *bác vạn bội. Tháng sau, tôi dời được món* « *nợ bác Tư, tôi sẽ giả bác chu-tất.*

« *Đệ Mậu bái.* »

« *Tái bút: Độ này tôi chừa được thói đánh* « *bạc rồi, nói để bác mừng cho.* »

Thôn Phụ than rằng:

— Cơm chẳng có mà ăn, có tiền đâu nữa mà cờ bạc. Nói chữa khéo chửa.

Người vợ hỏi:

— Có phải chú nó hỏi vay không?

— Phải, hỏi vay vài nồi gạo, kêu rằng độ này khốn quẫn vạn phần; lại nói đến tháng sau đòi được nợ bác Tư sẽ giả.

— Ối chao ôi! thừa gạo cũng chẳng cho tuồng phá-gia ấy vay. Ấy là mới có 5 mẫu ruộng, chớ 50 mẫu ruộng cũng hết. Bố nó không biết: hôm nọ, nó lục cả hòm quần áo của vợ nó, để tìm kiếm vật đi cầm lấy tiền đánh bạc. Hôm qua, nó tháo nốt cả đôi vòng chân bằng bạc của con nó nữa. Đồ vô-nghĩa bất-nhân như thế, hoài thóc gạo mà cho vay.

Phụ thở giài nói:

— Kể ra thì chẳng nên thương. Song nghĩ hơi ái-ngại cho vợ con nó một chút.

— Phải, ông Thôn ơi! ông thương người ta, mà người ta chẳng thương ông. Ông có biết người ta vay gạo của ông, người ta lại đem đổ vào sòng bạc, chứ vợ con người ta hỏ dễ dã được ăn!

— Có, nếu ta cho vay, thì ta giao tận tay vợ con nó, nó bán thế nào được.

— Thôi đi, ông Thôn ôi, ông đừng nhân nghĩa vụn. Vì ông gặp phải cảnh như thế, thì người ta có đoái thương đến vợ con ông hay không? hay là vợ con ông phải chết đói dã họng ra. Ông không xem: nó cư-xử với ông mấy năm nay đã tử-tế chưa, hở ông?

— Không cho vay thì thôi, mẹ nó việc gì phải to tiếng thế!

Đương nói, bỗng có đứa con gái bên hàng xóm, tay xách cái thúng không, ở cổng bước vào, nói với *Phụ* rằng:

— Thưa bác, bác hai tôi ban trưa có nhờ tôi đưa thư lại cho bác. Bây giờ lại cho tôi đem thúng sang vay bác vài nồi gạo.

Người vợ *thôn Phụ* vội-vàng đứng chắn ngang mặt chồng, trỏ tay bảo con bé hàng xóm rằng:

— Em về nói hộ với chú nó rằng, bác có gạo chỉ đủ ăn, không thừa đâu mà cho vay. Kể ra thì tình thân-thuộc không đâu bằng anh em ruột, nhưng từ khi ông bà mất đi, thì "kiến giả nhất phần". Nhà tôi có được bao nhiêu ruộng, chú nó cũng được bấy nhiêu. Chú không chịu cầy cấy làm lấy mà ăn, thì chú bán ruộng đi để lấy tiền mua thóc gạo cũng thế; chớ nhà tôi, ruộng ông cha để lại đã không dám bán, lại phải khó-nhọc làm-lụng lắm mới có hột gạo mà ăn. May mà không phải vay nhờ ai, được đủ no là tốt, có dư đâu mà cho chú vay.

Người con gái láng-riềng lại xách thúng đi ra.

Thôn Phụ ngồi nghĩ-ngợi một lúc, rồi lủm-tỉm nói rằng:

— Ừ, mà u nó nói cũng phải.

II

— Khăn đâu, mà đầu tóc bơ-sờ ra thế kia?

— Thưa ông, tôi vội, bỏ quên nhà.

— Bỏ quên ở nhà cai Phả ở xóm dưới phải không? Anh giấu thế nào được tôi. Sáng sớm ra ở dưới ấy đi lên mà đầu lại không khăn, người khác thì tôi không nghi, chớ như anh, tôi còn lạ gì nữa.

— Thưa ông, ông nói thật đúng. Hôm qua, nhà hết gạo, cho sang vay bác cháu không song, nên phải cố cái khăn để định dậy hóa, không ngờ lại thua mất. Giờ đương lo không biết nghĩ sao đây.

Đó là lời *Mậu*, em *thôn Phụ*, đáp lại lời viên Phó-lý ở làng ấy. Hôm ấy Phó-lý ở trong làng ra, gặp *Mậu* ở làng dưới đi lên, vốn biết *Mậu* hay đánh bạc ở nhà cai Phả ở xóm ấy, nên đoán là *Mậu* thua bạc trở về. Khi nghe *Mậu* nói thì bảo rằng:

— Anh không biết cách dậy hóa, chỉ tổ mất tiền thêm. Anh theo tôi vào trong đình này, tôi sẽ bảo anh cách kiếm su được vô số.

Người Phó-lý vừa nói, vừa trỏ tay vào cái đình làng ở gần đấy. Hai người cùng dưa nhau vào trong sân đình.

Viên Phó-lý nhìn quanh không thấy ai, vỗ vào vai *Mậu*, cười hỏi:

— Anh nói, tôi chưa tin, anh Thôn nhà anh thiếu gì gạo, mà tình anh em chí thân, còn tiếc gì nhau mà không cho vay.

Mậu thưa:

— Chỗ anh em trong nhà, tôi nói ra thì xấu-hổ. Song giấu ai, chớ tôi tưởng cũng chẳng giấu được ông. Anh tôi thực quá keo-bẩn, mà được chị dâu tôi lại keo bẩn gấp mười. Nói có bóng mặt giời, thực xưa nay tôi chưa từng vay anh tôi được một su một chữ nào cả. Động tôi bước chân vào tới cổng, anh tôi nào mỉa rằng «dại bạc dại cờ», nào nhiếc rằng «phá cơ phá nghiệp». Chị dâu tôi thời nói bóng nói gió, chửi chó mắng mèo, lắm phen tôi phải giả lời mà cùng với anh chị tôi đã có một đôi khi sô-sát to tiếng. Hôm qua, vì sự cùng-quẫn quá, nghe nhà tôi, tôi mới viết giấy sang vay. Không ngờ anh chị tôi xử với tôi tận tình như thế đấy.

Phó-lý hỏi:

— Giỗ tết bây giờ, anh còn đi lại nhà anh Thôn anh nữa không?

— Thưa ông, ông tính thế, tôi còn mặt mũi nào mà lại nhà ; đã hơn một năm nay, tôi không bước chân đến cổng.

— Chà ! Anh em cùng máu mủ, có kẻ cạn tầu ráo máng được như thế ư ! Tôi nghe nói cũng tức bực hộ.

— Ai không biết thì tưởng trái lại tôi, chớ người biết ra, cũng cho tôi là phải.

— Ối chao ôi ! Trong làng ai chẳng rõ. Có anh hèn thì anh chịu, chớ địa-vị tôi như anh, dễ mà tôi để cho nó ở yên được.

— Thưa ông, chẳng thế thì làm thế nào ?

— Ối chao ôi, chẳng được ăn thì đạp đổ. Thế-gian thiếu gì cách lừa nhau. Anh thực chí ngu, trách nào cứ phải chịu một thân nghèo khổ.

— Thưa ông, ông giậy làm sao. Ông có kế nào ông mách giúp cho tôi qua được lúc cơ-nhỡ này, tôi không dám quên ơn ông.

— Tôi nghe nói khi ông thân-sinh ra anh mất đi, có để chúc-thư lại nói rằng di-sản được 10 mẫu ruộng, sẽ quân-phân cho hai anh em. Sự đó đã thi-hành chưa ?

— Thưa ông có. Anh tôi khi ấy có chia đủ cho tôi năm mẫu ruộng, và một số tiền. Chứng-kiến có hai ông chú họ, nay đã mất cả rồi.

— Thôi, thế thì được. Tối hôm nay, anh lại tôi, tôi làm cho anh một lá đơn để anh đem lên cửa quan mà thưa.

— Vâng, thế thì đa-tạ ông lắm lắm. Song có một điều tôi xin hỏi trước : việc chia ruộng, anh tôi đã tuân chúc-thư mà thi-hành, tưởng đã đúng phép lắm. Bây giờ ông giậy cho cách thưa, thì thưa ra làm sao ?

— Giời ôi, Anh ngu lắm ! Ở trước cửa quan, lại có nói gì đến việc phải trái, đến *đúng phép* hay không đúng phép. Anh phải biết tôi ra vào cửa quan đã mòn gót, những cách phân-xử của quan, tôi còn lạ gì. Tối hôm nay, anh cứ lại tôi, tôi dặn anh đủ mọi đường khôn-khéo, anh không lo gì về phần hại, chỉ có phần lợi mà thôi.

— Thưa ông, sao thế ?

— Anh lại còn sợ à ? Anh nhát thế, chẳng trách cứ phải chịu chết đói. Này, tôi bảo cho biết, để anh yên tâm ; anh là thằng cùng-đinh, mà anh anh là thằng có máu mặt ; hễ đến cửa quan, chỉ thằng có máu mặt là thiệt, chớ như anh thì quan ăn gì được của anh mà anh lo.

— Thưa ông, thế là tôi hiểu rồi. Tối, tôi xin lại hầu ông.

III

Trước nha-môn quan . . . ở tỉnh Thái-Bình buổi trưa hôm ấy, việc quan vừa xong, cửa dinh đã khép, mà còn có một người đàn ông trạc ngoài 30 tuổi, áo nâu quần vải, chân đi đất, tay cầm một lá đơn, đi đi lại lại, thỉnh-thoảng lại cúi đầu nhìn vào cái khe cửa dinh, như có ý muốn kêu nài việc gì.

Người ấy chính là *Mâu*, em *thôn Phụ*, cầm giấy lên cửa quan, định vào thưa người anh đấy.

Bỗng chốc, ở trong dinh có một người hé cửa đi ra, đầu khăn lượt, mình áo the, chân đi đất, lính cơ không ra ráng lính cơ, lính lệ không ra lính lệ, thấy *Mâu* ròm-nom vào cửa quan, liền quát hỏi rằng :

— Tên kia ròm vào dinh quan, định để làm gì ?

Mâu đoán ngay là cậu đầy-tớ quan, liền thưa rằng :

— Dạ, chúng tôi định vào kêu Cụ-lớn một việc.

— Hết giờ rồi, còn kêu gì ! Đến sáng mai lại đây.

— Tôi có lá đơn này, trăm sự nhờ cậu đệ vào dinh Cụ-lớn, để Cụ-lớn xét cho. Tôi không dám quên ơn cậu.

— Đệ đơn mấy đệ từ gì bây giờ ! Cụ-lớn làm việc có buổi, để lúc nào ngài cũng ngồi đó để nhận đơn cho anh ? Anh muốn tốt thì đi ngay, kẻo lính nó ra, thì anh không có đường chạy.

Mâu biết nói không không chôi, liền lấy ra năm hào đưa cho cậu đầy-tớ quan. Cậu gia-nô liền giận mà rằng :

— Anh không biết lệ xưa nay mỗi lá đơn là 3 đồng à ?

— Chúng tôi thực là nghèo khổ quá, mới phải kêu Cụ-lớn, trông nhờ người mình xét cho việc ức này, họa may mới có tiền độ-thân.

— Việc gì ?

— Về việc gia-sản.

— Việc hệ-trọng thế mà anh còn là-liện thì thôi anh đi về.

Cậu gia-nô nhà quan vừa nói vừa dẫy *Mâu* đi ?

Mâu bất-đắc-dĩ, lại phải xỉa ra năm hào nữa mà nói rằng :

— Tiền này là tôi kính riêng cậu đây : còn với Cụ-lớn, tôi không dám thế.

— Đưa đơn đây.

Mâu liền đưa đơn với một đồng bạc hào cho cậu nhỏ nhà quan. Cậu nhận rồi, bảo *Mâu* rằng :

— Anh hãy ngồi đây, tôi vào xem nếu Cụ-lớn chưa ngơi, có tiện đưa được thì tôi đưa cho.

Đứa dầy-tớ khi sắp vào, thì gặp người linh cơ ở trong vác súng đi ra, bèn bảo người linh cơ rằng : « Anh để người này đợi đây, hoặc Cụ-lớn có truyền gọi. Bổn-phận anh canh cửa, sao anh cứ đi đâu ? »

Người linh vâng lời.

Mâu ở ngoài đợi độ 20 phút đồng-hồ, thấy đứa quản-nô ra gọi, liền theo chân vào dinh, đi vòng vào mãi nhà tư-thất ở tận nơi sau chốn công-đường. *Mâu* bước lên trên thềm nhà, nhìn thấy một vị rậm râu sâu mắt, mình mặc áo lụa giải trắng, một tay cầm cái đơn của *Mâu*, một tay dựa gối xếp nhiều điều, ngồi chễm-trệ trên sập cao, một chân bỏ thõng ra mặt trước sập. Cạnh đấy, có một đứa dầy-tớ giai đứng cầm quạt lông phẩy. Chung quanh nào câu đối khảm, câu đối sơn, nào bàn trè ghế gụ, đòn sứ, đỉnh đồng, thẩy-thẩy rực-rỡ choáng cả mắt.

Mâu nghĩ thầm, chắc vị này là cụ-lớn, liền xụp xuống lạy. Lạy xong, lui lại vài bước, chắp tay cúi đầu đứng yên lặng.

Một lát. Cụ-lớn cất tiếng lên phán rằng :

— Tên kia, bay làm nghề-nghiệp gì ?

Mâu thưa :

— Dạ bẩm Cụ-lớn, con trước làm nghiệp nông. Từ khi con xa-xút, bán cả ruộng nương đến nay, chửa có nghề gì kiếm ăn, thực là nghèo khổ lắm.

— Trong đơn bay thưa anh bay rằng : cứ chiếu theo chúc-thư thì anh bay chia gia-sản cho bay hãi còn thiếu. Vậy thiếu làm sao, bay nói không rõ.

— Dạ bẩm cụ-lớn, về việc chia ruộng, con không dám thưa, vì phần con đã nhận đủ. Duy có phần tiền, thì anh con chưa giao hết cho. Nguyên khi cha chúng con mất đi, còn để lại tiền 3.000 đồng, khi ấy anh con mới cho 300 đồng, nói rằng một vài năm sẽ trả hết. Con cũng nghĩ chỗ anh em trong nhà còn nghi-ngại điều gì, không ngờ anh con đem lòng bất-trắc, nhất định không chịu giả nốt.

— Sao khi ấy bay không thưa ngay, mà để đến bây giờ mới lên kiện ?

— Dạ bẩm Cụ-lớn, nếu mấy năm trước, giời không làm mất mùa, con không phải bán mấy mẫu ruộng, thì con tưởng số tiền ấy cũng chưa phải đòi anh con làm gì. Không ngờ vận nhà sa-sút, làm chẳng đủ ăn, hỏi anh con, anh con đã chẳng giả thì chớ, lại lấy tiền của con tậu thêm ruộng. Lại buông lời chửi mắng con, cấm con không được đến cửa. Cụ-lớn không tin lời con, dám xin Cụ lớn cho xét hỏi người trong làng, ai ai cũng biết.

— Hiện tờ chúc-thư bây giờ ở đâu ?

— Dạ cầm Cụ-lớn, tại anh con giữ.

Cụ-lớn nghe đến câu ấy, hình như động lòng, lấy tay vuốt mãi râu, từ-từ mà nói rằng :

— Ừ thôi được, bay cứ về. Ta phải sức đòi đem chúc-thư lên để xét lại kỹ-lưỡng. Thực hư thế nào, ta sẽ liệu.

Trước khi lỗi tạ quan phụ-mẫu để lui ra, *Mâu* còn gãi tai thưa dốn rằng :

— Trăm lậy Cụ-lớn, Cụ-lớn đèn giời soi-xét, cứu cho kẻ nghèo-nàn, phải một người anh giầu-có đánh lừa, không thương gì đến tình cảnh em trong khi khốn-bĩ.....

IV

— Lạy ông, ông cho gọi tôi lại có việc gì ?

— Chao ôi ! vì việc anh mà hôm qua tôi phải lên quan gọi.

— Quan gọi ông làm gì ?

— Anh không biết, phàm việc gì trong làng này, đã lên đến quan, trước khi quan xử, là quan phải gọi tôi hỏi đã.

— Quan hỏi ông việc gì vậy ?

Đó là lời hỏi của *Mâu* hỏi viên Phó lý ở nhà viên ấy. Vì hôm đó, Phó-lý cho gọi *Mâu* lại nhà mình nói truyện.

Viên phó-lý liền mỉm cười, nói sẽ vào tai *Mâu* rằng :

— Quan chỉ hỏi về tình-hình bên nguyên bên bị giầu nghèo thế nào mà thôi. Anh biết chưa?

Lại nói :

— Tôi đã nói tốt cho anh rồi đấy.

Mâu mừng, liền hỏi :

— Cám ơn ông, ông nói tốt cho tôi thì ông nói làm sao ?

— Tôi bẩm, anh chỉ là thằng khố-giây ; chớ anh anh thì..... thì ; ; ; ; nó giầu lắm ! Ba, bốn nghìn, sức nó lo cũng nổi.

— Nếu thế, anh tôi thiệt mà tôi chẳng được ích gì à ?

— Không, sao lại không được ích gì. Tôi đã thưa với quan rằng: Cảnh anh nghèo khổ lắm, quan có xử, xin quan trông xuống cho anh. Quan hứa rằng thế nào quan cũng trông lại. Nếu sau này có thế nào, anh phải biết ơn tôi mới được.

— Dám đâu quên, thưa ông.

* * *

Trong khi *Mâu* vừa ở nhà Phó-lý đi ra, thì có người trông thấy *thôn Phụ* bước chân vào nhà lý-tưởng đương-thứ, sắc mặt như có vẻ sợ-hãi.

Vậy *Phụ* đến đó có việc gì mà sợ hãi thế? Nguyên hôm ấy viên lý-trưởng làng có cho người nhà lại bảo *thôn Phụ* rằng : lại ngay nhà y có việc quan. *Phụ* hỏi dò việc gì, thì đứa đầy-tớ đáp rằng :

— Tôi nghe như có tờ trát của quan..... không biết trong sức việc gì mà ông Lý tôi bảo tôi mời ông lại.

Phụ lấy làm sợ hãi, vội-vàng theo châu đứa tiểu-đồng ấy lại ngay nhà lý-trưởng đương-thứ.

Viên lý-trưởng bèn đưa tờ trát của quan cho *Phụ* xem, và nói rằng :

— Đấy bác xem, quan sức tôi phải đưa bác lên dinh ngay, để đối tụng việc gì không rõ. Vậy sáng sớm mai, bác phải lại đây để theo tôi đi.

Phụ tay cầm trát xem, run lên cầm-cập ; khi đọc song, hỏi người lý-trưởng rằng :

— Thưa ông, về việc gì đó?

— Tôi không rõ. tôi tưởng việc của bác thì bác biết, sao lại hỏi tôi.

— Thưa ông, tôi thực không rõ. Nếu ông có biết, xin ông bảo cho tôi để tôi đỡ lo.

— Tờ sức vừa đến tay tôi buổi trưa hôm nay, trong chỉ có từng ấy chữ, bác xem bác cũng rõ, lọ phải hỏi gì tôi.

— Thưa ông, sưu-thuế tôi không thiếu, rượu lậu tôi không nấu, thuốc phiện lậu tôi không buôn, tôi làm ăn lương-thiện, có điều gì nên tội mà quan cho trát bắt tôi.

— Thôi, bác không ngại, mai ta cùng nhau lên dinh sẽ hay.

Phụ chào về. Đêm hôm đó, hai vợ chồng bàn soạn xuốt đêm, lo-ngại lắm, không ngủ được.

Thế mới biết dân thôn-ổ hãi còn chất-phác, chỉ biết nghiệp cầy sâu cuốc bẫm, động đến việc quan là mất ngủ bỏ ăn. Cái nguyên-nhân đó tự đâu ? Chỉ vì thói quan-trường xưa nay phần nhiều người cai-trị đã không được trọn bổn phận, lại trái lương tâm, coi thôn-dân như một hạng gia-nô, như một kho tiền vô-tận, có thể tùy việc sẩy ra trong giới-hạn quyền mình mà tha-hồ làm tội làm tình, mà nặn mà bóp, mà cố vơ cố vét, để cho đầy túi tham. Bởi thế nên chỗ quan-lại với dân thôn-quê, thành vẫn có một tấm hắc-mặc rất u-ảm thê-thảm, khó ai có thể đoán rõ ở trong ra làm sao !

Than ôi ! Cái cảnh gia-đình nhà bác thôn Phụ kia, đương làm an vui-vẻ thế, mà bỗng chốc hóa ra thất-cơ lơ-vận, cũng nguyên-nhân tự hôm đó, nhận được tờ trát qui-hóa của quan trên.

Sáng hôm sau, *thôn Phụ* sắm-sửa sớm, đến nhà lý-trưởng, rồi cùng với lý-trưởng trỏ đường lên dinh quan. Tiền lộ-phí, *thôn Phụ* phải hứng đựng, sự đó là tự-nhiên.

Khi hai người lên đến nha-môn thì đã quá giờ làm việc, đành phải tìm nơi nghỉ trọ để sáng hôm sau vào hầu quan.

Sáng hôm sau, *Phụ* theo chân lý-trưởng vào chốn công-đường, thôi thì từ bực cửa dinh ngoài cho đến chỗ bàn giấy quan xử kiện, chân bước đi đã không vững, hai con mắt đã kém mất tinh-thần, mà trống ngực lại đổ hồi, hai hàm răng bỗng run lên cầm-cập.

Giời bẩm sinh ra con người yếu bóng-vía, nên mới gặp cậu linh cơ ở cổng, bác *thôn Phụ* ta đã vái rạp xuống đất ; vào đến sân, trông lên dan bên trái, thấy một giấy nhà tơ, người ngồi lố-nhố, cũng vái rạp xuống tận đất ; sau rốt, nhìn lên dan bên phải, thấy quan phụ-mẫu mặt sắt đen sì, ngồi một mình ngất-nghểu một bàn giấy, thì *thôn Phụ* bấy giờ hồn vía không còn, cứ biết theo lý-trưởng bước lên thềm, thấy y làm lễ lạy, cũng phải bắt trước. *Phụ* tự nghĩ mình khi ấy như là người phải tội, bị quỉ-sứ bắt điệu đến trước tòa Diêm-vương, mà các viên nhà tơ tưởng như các ông Phán-quan vậy. *Phụ* không dám ngửng đầu lên nhìn.

Một lát, viên lý-trưởng dẫn tờ trát lên trình, Quan phụ-mẫu nhìn tờ trát, ngẫm-nghĩ một lúc, rồi cất giọng lên phán rằng:

— Lý-trưởng làng. . . là nhà thầy phải không?

Lý-trưởng thưa :

— Dạ. . .

Quan lại truyền :

— Tên *Nguyễn-Phụ* là đứa nào ? Thày Lý có đưa nó lên đó không ?

— Dạ bẩm Cụ-lớn, tên *Nguyễn-Phụ* con đã đưa lên đó.

— Nó có mấy anh em ?

— Dạ bẩm Cụ-lớn, tên *Phụ* này chỉ có hai anh em. Y là anh cả, người em tên là *Nguyễn-Mâu*.

— Cha mẹ nó chết đã được bao lâu nay ?

— Dạ bẩm Cụ-lớn, ước độ tám chín năm nay.

— Thầy có biết truyện nó mạo chúc-thư của cha mẹ nó để định chiếm lấy cả gia-tài, không muốn chia cho em nó không ?

— Dạ. . . . .

— *Phụ* nghe đến câu ấy, bụng lấy làm ức khổ lắm, ứa nước mắt ra định kêu van, song chưa biết nói ra làm sao, thì bỗng thấy quan phụ-mẫu đập bàn, ra ý giận lắm, trỏ vào mình mà thét rằng :

— Thằng kia. Mày tham ngoan đủ đường, dám cả gan làm chúc-thư giả, để cướp cả phần em ! Bây giờ chính thằng *Mâu* là em ruột mày nó thưa mày, mày còn cãi làm sao được !

Phụ luống-cuống, vội-vàng quì xuống trước bàn, lạy mà kêu rằng :

— Bẩm . . . bẩm . . . bẩm lạy Cụ-lớn, đèn giời . . . . soi xét . .

Quan thét luôn :

— Bay dối được ai, chớ bay dối thế nào được tao ! Linh đâu ! hãy đem thằng này giam cổ lại, để sáng mai tao tra lại lần nữa.

Lập tức có hai tên linh cơ lên điệu *Phụ* xuống giam dưới trại linh.

Quan ngảnh cổ lại bảo lý-trưởng rằng :

— Việc thầy thế là xong, cho về.

Viên lý-trưởng bèn lạy đi ra.

Thôn Phụ bị giam dưới trại lính, sáng hôm sau, lại lên công-đường đợi quan tra hỏi.

Lần này, giọng quan không dữ-dội như hôm trước, ngài bảo rằng :

— Thằng em mày nó thưa rằng mày làm mạo chúc-thư, để tranh phần của nó. Sự đó thực hay hư, ta cho mày biện bạch.

Thôn Phụ thấy quan không ra uy lắm, cũng hơi vững dạ, liền quì xuống thưa rằng :

— Trăm lạy Cụ-lớn, ngài đèn giời soi xét, thực là em con nó vu-vạ cho con ; chớ chúc-thư có đủ hai người trứng-tá và lý-trưởng nhận thực, quả không dám làm man. Còn như việc phân-sản, con làm phân-minh lắm, cũng có những người ấy làm trứng, lại viết giấy má hẳn-hoi, theo như phép nhà nước. Nếu Cụ-lớn không tin, con xin đem những giấy ấy lên trình Cụ-lớn xét.

Quan phụ mẫu liền gật đầu mà rằng :

— Ừ, mày phải đem hết những giấy má ấy lên đây, cả chúc-thư văn-tự, cũng là giấy

phân sản để ta xét. Giả hay thực, ngay hay gian, phải có đủ những bản ấy, ta mới có thể phân-xử được. Vậy ta cho phép nhà bay ba hôm nữa, phải đem nộp đủ những giấy ấy lại đây ; nếu cố tình giấu diếm, thì tội càng nặng thêm, biết chưa ?

Phụ vội thưa :

— Dạ bẩm Cụ-lớn, Cụ-lớn cho phép con về, con xin đem lên trình Cụ-lớn ngay, không dám để chậm.

Quan phán :

— Cho về .

Thôn Phụ mừng-rỡ, vội lạy tạ, rồi lui ra ; ra đến cổng dinh, hỏi thăm tin người lý-trưởng làng, thì người lính cơ đáp rằng : y đã về ngay từ hôm trước.

V

Thôn Phụ về đến nhà, liền kể truyện với vợ đầu đuôi việc lên quan như thế nào. Rồi hai vợ chồng cùng nghiến răng nguyền rủa người em. Đoạn, hai vợ chồng bỗng mai oán lẫn nhau, chồng đổ tại vợ, vì hôm ấy ngăn mình không cho *Mâu* vay gạo, thành gây lên câu truyện thù-hằn ; vợ riếc chồng rằng bởi nhà ai vô-phúc, nên anh em mới đem nhau đến cửa công. Cãi vã nhau hồi lâu, sau cùng bàn đến truyện đem văn-tự chúc-thư và tờ phân-sản lên quan xét, thì người vợ tỏ ý ngại-ngùng nói rằng :

— Cơ-nghiệp nhà ta chỉ trông cả vào mấy bản chúc-thư văn-tự ấy, nếu nay nộp cả vào quan, nhỡ có thất-lạc, thì trông mong vào đâu ?

Phụ nói :

— Không đem lên cũng không xong, mà đem lên cũng ngại. Giời ơi, biết nghĩ thế *nào đây ?*

Vợ nói :

— Thôi, được rồi. Mai đem những giấy ấy ra, nhờ người sao tinh tường mỗi thứ một bản. Ta đem những bản sao ấy lên nộp, tưởng cũng được chớ sao.

— Ừ, thế cũng gọn. Nhưng chỉ sợ quan trên không tin ở bản sao thì làm sao ?

— Văn-tự, văn-khế, xưa nay tôi thấy người ta sao chán ra đấy, có việc gì mà sợ. Bố nó cứ nghe tôi, thử đem bản sao đi ; nếu quan không nghe, bấy giờ ta về lấy bản chính ra cũng không muộn.

— Ừ, u nó nói cũng phải.

Nghĩ một lúc, Phụ lại nói :

— Nhưng nếu lúc quan không nhận bản sao, lại phải giở về lấy bản chính, thì vừa mất thì giờ, vừa lôi-thôi thêm truyện. Chi bằng ta đem cả hai bản đi, mà ta hãi đưa bản sao trước ; nếu quan không nhận, bấy giờ bản chính ta sẽ nộp ra sau. »

Vợ cũng biểu đồng ý.

Bàn định xong, hôm sau *Phụ* bèn nhờ người sao cả văn tự, chúc-thư, tờ phân-sản, mỗi thứ một bản, rồi gói làm hai gói, đem thẳng lên dinh quan.

Phụ đi được sáu hôm, vợ ở nhà mong đợi, nóng ruột lắm. Đến hôm thứ bẩy. *Phụ* mới về. Vợ ra đón, thấy sắc mặt chồng có vẻ buồn, liền hỏi :

— Việc đã xong chưa ? Sao đi lâu thế ?

Phụ tay cầm một gói giấy, ném xuống giường mà rằng . .

« Đã biết trước ! Bảo không nghe ! Cứ xui khôn xui dại người ta mãi ! Xuýt nữa phải một trận đòn, cũng chỉ vì nghe vợ »

Người vợ lấy làm kinh-nghi, không dám hỏi nữa.

Phụ lại nói :

— Đây, những bản sao lại đem về đây, những bản chính còn ở trong dinh quan. Tưởng rằng ngày một ngày hai thì cụ-lớn tôi sét xong, không ngờ đợi đến bốn hôm, đến năm hôm, cụ-lớn tôi cũng chửa xét đến ! Không biết đến mấy tháng nữa, mấy năm nữa, ngài mới xét đến cho ! Thực là cơ-cực. Đợi no chầy nẫy nước, động bước chân đến cửa dinh, thì lính canh đuổi đánh không cho bén mảng !

Phụ nói xong, nằm lăn ra giường thở hồng-hộc.

Nghỉ một lát, lại ngồi giậy nói rằng :

— Ối chao ôi ! U nó tưởng đến cửa quan là dễ lắm ! Này có biết hôm tôi đưa những bản sao ra, cụ-lớn ngài nói làm sao không ? Ối giời ôi ! Khi ngài mở ra xem, ngài liền nổi cơn giận, ném ngay những bản sao ấy vào mặt tôi, mà thét lính định đăng nọc tôi ra đánh. Tôi sợ quá, liền rút những bản-

china mà dâng lên. Rồi nghe ngài thét rằng: « Đồ khốn! Tao là bậc quan cha mẹ bay, vì có đứa thưa bay, nên tao phải bảo bay đem chúc-thư, văn-tự lên tao xét. Thế mà bay không tin tao là bậc quan cai-trị cả toàn hạt dân xứ này, dám đem lòng ngờ-vực, sợ tao tiêu-hủy mất chúc-thư, văn-tự của bay đi hay sao? mà bay vội đem bản sao ra để nộp. Bay phải biết ằng muốn xét ra sự thực, phải có đưa giấy má thực, chớ *bản sao kia có giá-trị gì. Bay ngạo - mạn* phép quan như thế, phỏng đáng tội gì?» Giời ôi, tôi run cả người, vội-vàng lạy lấy lạy để, để tạ tội. Cụ-lớn ngài được cái cũng đại-lượng, liền cho linh tống cổ tôi ra khỏi dinh. Ôi! từ bấy giờ đến năm sáu hôm sau, tôi không thể bạ men đến được gần cửa dinh nữa.

Người vợ nghe xong câu truyện, có ý ái-ngại thay cho chồng, liền yên-ủi rằng:

— Thôi bố nó cứ yên dạ. Chầy ra là nửa tháng nữa, quan cũng xét xong. Tháng sau ta hãy lên dinh, cũng không lấy gì làm muộn.

Thôn Phụ không nói gì nữa, chỉ nằm ngay trên ghế dựa mà thở vắn than giài.

Thấm-thoát đã được nửa tháng, chồng lại bàn với vợ, định cất công lần nữa lên dinh quan, đòi lại các giấy má về gia-sản.

Lần này đi, *Phụ* dự-bị sẵn tiền trẻ lá, để phòng khi không được vào hầu quan, thì nói lót với người biện-sự nào gần ngài nhờ nhắc-nhủm hộ việc đó. Không ngờ đi mấy hôm lại giở về không. Cái nguyên-nhân không được bước vào cửa dinh, cũng đại-để giống như lần trước. Duy lần này *Phụ* có tìm đến nhà một viên thừa-phái, lễ một cân trè tầu và một chục đồng bạc, nói rõ lai-ý của mình, trông nhờ quan Thừa đánh tiếng với cụ-lớn. Viên thừa phái có nhận lời, song mấy hôm sau, giả lời *Phụ* rằng:

— Công việc quan độ này bề-bộn lắm, lại nhiều việc hệ-trọng. Việc của bác là việc ẩm-thường, nên quan còn xếp só một nơi chưa xét đến. Tôi đã nói hộ cho bác, song cụ-lớn truyền để vài tuần nữa sẽ hay.

Phụ chán quá, lật-đật lại về làng, nghĩ hối rằng tại mình không đem nhiều tiền đi, nên không được lọt vào trước mặt cụ-lớn.

Khi về đến cổng làng, vừa gặp viên Phó-lý đi ra, *Phụ* bụng bảo dạ:

— Anh này nó lịch-thiệp lắm, cửa quan nào nó cũng lọt, hay ta thử vấn kế nó xem sao.

Chợt lại nghĩ rằng:

— Anh này nó tinh quái lắm, chỉ sợ dính vào nó, tiền mất mà tật vẫn mang; thôi để bàn với u nó cho chín đã.

Phụ bèn chào viên Phó-lý rồi về thẳng nhà.

Hai vợ chồng bàn đi tính lại, nghĩ trừ viên Phó-lý, thực không biết cậy nhờ vào ai, vì xưa nay *Phụ* hẹp giao-thiệp lắm. Song nhờ lời viên thừa-phái, *Phụ* cố đợi cho hết vài tuần, hoặc quan trên có cho trát gọi mình chăng.

Thôi thì chỉ uổng công đợi mà thôi, tập giấy can-hệ kia đã lọt vào tay mặt sắt, vì không có hơi đồng, hồ dễ tự-nhiên đã buông tha ra. Vợ chồng *thôn Phụ* đành phải mời viên Phó-lý lại, nói rõ việc mình, nhờ y chạy-chọt hộ.

Phó-lý nói:

— Sao lúc bác đem *chúc-thư văn-tự lên* quan, bác không bảo tôi. Trước mặt quan, bác làm như thế, đến bụt cũng phải giận. Nay quan đã ra ý không bằng lòng thì việc bác càng thêm khó. Rõ thực sai một ly đi một rặm, biết làm thế nào bây giờ.

Hai vợ chồng nghe nói càng sợ, cố nằn-nì viên Phó-lý giúp cho, dẫu tốn kém ít nhiều cũng xin chịu. Viên Phó-lý chỉ đợi nói đến câu ấy, bèn mủm-mỉm bảo rằng:

— Bây giờ hai bác đã nhờ đến tôi, là có ý tin cậy tôi lắm; nếu tôi thấy việc khó mà từ, thì thực tôi phụ lòng hai bác Vậy tôi phải cố công giúp cho xong, tôi mới được hả dạ. Thế mai bác giai theo tôi lên tỉnh, tôi xin đưa bác vào ông Đô, ông này làm việc đã lâu, thân-mật với cụ-lớn lắm. Hôm nọ bác có đến nhờ một ông Thừa trẻ tuổi, thực là vô-ích, ông ta có thế-lực gì đâu.

Thôn Phụ mừng lắm, hôm sau lại đón viên Phó-lý cùng đi. Tiền lễ tiến-kiến ở nhà quan Đô cũng đem theo.

Lúc đến nhà quan Đô, quan Đô nhận đồ

lễ, hứa đến tối hôm sau lại nhà y để y giả lời.

Quan Đô, trông người xương-xương, dong-dỏng cao, hãi còn bủi tóc, ước độ hơn ngũ tuần, mắt lòa phải đeo nhỡn-kính luôn, ăn nói có giọng mềm mỏng.

Thôn-Phụ nghe lời, hôm sau lại cùng Phó-lý đến. Quan Đô bảo rằng :

— Tôi đã nói việc bác với Cụ-lớn, bất-đồ Cụ nổi giận lên, nói rằng định nay mai đòi bác lên để trị tội. Thành ra tôi lắc lời không biết nói làm sao được.

Viên Phó-lý nhìn *thôn Phụ* có vẻ sợ-hãi, vội nói hộ :

— Thưa cụ, dù nay mai có trát đòi hay không, cũng là ở tay cụ. Cụ lựa lời thưa với Cụ-lớn ngài nguôi giận đi thì là xong.

Quan Đô lắc đầu :

— Khó lắm! Cụ-lớn tôi đã giận thì đố ai nói được cho ngài nguôi. Tôi nghĩ cứ lấy làm phàn-nàn cho bác, sao bác dại thế! Nếu cụ-lớn ngài tức mình, cứ chiếu luật để xử, thì bác phải tù như chơi.

Phó-lý lại nằn-nì :

— Trăm sự nhờ cụ, bác Thôn ró bởi thật-thà quá hóa nên tội, xin cụ thương tình mà cứu cho. Cụ giạy cho thế nào, để bác nó xin lo liệu.

Quan Đô gật-gù nói :

— Ừ thôi, có thầy Phó giới-thiệu, tôi cũng xin hết sức dúp. Kể ra không biết đường lối thì khó lòng, chớ nếu biết ra thì cũng dễ.

Phó-lý bèn bấm dùi *Phụ*, rồi nói :

Đấy, cụ đã vì tôi mà cố sức dúp bác, thì bác nói thế nào ?

Phụ vội thưa :

— Thưa cụ, nếu cụ thực lòng thương mà cứu cho, thì cụ giạy thế nào, con cũng xin vâng.

Quan Đô vuốt râu nói :

Nếu thế thì bác phải biện đủ thế này thì mới được. (Vừa nói, quan Đô vừa giơ hai ngó tay lên.)

Phó-lý ỏi liền :

— Bẩm, như thế cụ giạy là hai trăm?

Quan Đô vội đáp :

Chà! thế là hai nghìn bạc! Việc như thế mà ai trăm, chẳng hoá ra dễ lắm à! Này đừng tưởng thế là nhiều đâu, tôi đã liệu châm-trước lắm rồi đấy.

Thôn Phụ ngẫn người ra, sợ hãi không biết nói làm sao, thì viên Phó-lý nói đỡ rằng :

— Cụ giạy như vậy, chúng con xin hãy cứ vâng. Cụ rộng cho mấy hôm, sẽ xin phúc đáp cụ.

Nói xong, viên Phó-lý cùng *thôn Phụ* đứng giạy xin từ. Khi tiễn chân ra, quan Đô còn nói rằng :

— Số ấy phải cho đủ, chớ thiếu thì khó xong việc đấy.

Phó-lý đưa *thôn Phụ* về nhà, để cho hai vợ chồng bác Thôn ta bàn-bạc lo-liệu. Rút cục vợ chồng phải dằn lòng thu-xếp lấy một nghìn bạc, lại nhờ viên Phó-lý đưa đi.

Quan Đô nhận số tiền ấy, rồi nói rằng :

— Thế này chưa biết Cụ-lớn tôi đã nghe cho chưa; song tôi cũng cố nói hộ, nếu Cụ-lớn tôi bằng lòng, thì thế nào mai cũng có trát gọi bác vào dinh lĩnh những giấy má ấy về. Vậy bác hãi cứ đợi ở nhà trọ cho tiện.

Quả-nhiên, cách một hôm sau có người cầm trát lại tìm *thôn Phụ* ở nhà trọ. Viên Phó-lý cười bảo *Phụ* rằng :

— Việc bác sắp xong, bác phải biết công tôi mới được.

Phụ mừng tạ.

Hôm sau, *Phụ* nhờ có tờ trát được vào thẳng trong dinh, quan phụ mẫu truyền rằng :

— Đây tao giao giả nhà bay mấy cái văn-tự ruộng này, bay hãi nhận lấy. Còn tờ chúc-thư và tờ phân-sản, hiện chưa thể giả bay được ngay, vì ta còn đương bảo dịch ra chữ tây, để nay mai đệ lên quan Sứ xét lại. Biết chưa ?

VI

Ngán thay cho bác *thôn Phụ* ta, đã chịu bỏ ra một nghìn đồng, mà không ngờ chỉ mới chuộc được có mấy bản văn-tự ruộng. Cái bụng tham-lam của quan cũng sâu như khơi, rộng như bể, biết đem bao nhiêu muối để đổ vào cho vừa!

Tha hồ cho bác chầu-chực ở cửa dinh, đi lại chán ở nhà viên Đô-lại, mười lăm hôm, ba mươi hôm, một tháng rưỡi, cũng chỉ nghe được một câu rằng :

— Tập chúc-thư ấy quan trên còn xét. Việc án-từ quan-sự còn bừa-bộn lồng chồng, dỗi việc đâu mà nghĩ đến việc nhà anh.

Phụ biết rằng cái số hai nghìn bạc mình mới đưa được nửa, cho nên quan mới trả cho có một nửa giấy má : đành phải trở về làng bán bốn mẫu ruộng để lấy số tiền một nghìn nữa, đem nộp vào cửa quan. Lần này quan Đô không chịu đứng làm người đại thu nữa, bảo Phụ bỏ món tiền ấy bằng bạc giấy vào trong phong-bì, đến đêm cùng với viên Phó-lý vào thẳng nhà tư-thất quan để tiện bạch lấy.

Tối hôm ấy, lính canh cửa để cho *Phụ* và Phó-lý vào dinh tự do, chừng quan Đô đã nói trước. Nhưng vào đến nơi, hai người không được giáp mặt cụ-lớn, vì cụ-lớn đã nằm nghỉ ở trong màn. Có đứa hầu gái đỡ lấy chiếc phong-bì quí-hoá ấy đưa vào trong màn thì *thôn Phụ* và viên Phó-lý nghe thấy tiếng ngài truyền ra rằng :

— Được, con cứ về; để mai Cụ xét lại việc đó, cụ sẽ cho lính lại gọi.

Quả nhiên, mấy hôm sau, có lính lại nhà trọ gọi *thôn Phụ* vào quan đòi. *Phụ* nửa mừng nửa lo, bước vào hầu quan, lạy rồi, nghe tiếng ngài phen này lại rất là ôn-tồn. Ngài nói :

— Tờ chúc-thư và tờ phân-sản của con, Cụ đã xét kỹ; làm phải phép, không có điều chi đáng ngờ. Song trước khi Cụ đưa giao giả con những giấy ấy, Cụ muốn biết rõ xem những chữ ký của hai người làm chứng ở trong chúc-thư có đích-thực là thủ-tích của hai người đó không. Vậy con phải giở ngay về làng, đưa hai người làm chứng ấy lên đây, để Cụ so tự-rạng mới được.

Phụ nghe xong, mướt mồ-hôi lưng, vội bẩm rằng :

— Bẩm lạy Cụ-lớn, hai người làm chứng ấy đã mất cả rồi.

Cụ-lớn lại chứng mắt hỏi :

— "Mất cả rồi," lời khai đó có thực không?

— Bẩm lạy cụ-lớn, đích thực thế.

— Nếu vậy lại khó ra một từng. Biết thế nào mà phân biện là tự-tích của hai người ấy!

— Bẩm Cụ-lớn đèn giời soi xét, chúng con thực không dám man. Hai chữ ký ấy đích thực là của hai người ấy, hiện đã có triện của lý-trưởng làng nhận.

— Ừ, nếu thế thì được, để ta đòi lý-trưởng tên hỏi. Song ta xét ra, chữ lý-trưởng ký ở trong chúc-thư, hình như không phải chữ ký của lý-trưởng đương-thứ.

— Bẩm, thầy lý ấy làm khóa trước thầy lý đương-thứ. Cụ-lớn cứ trất-vấn thầy lý đương-thứ cũng rõ. Hay cụ-lớn cho gọi thầy lý cựu lên hỏi cũng được. »

Cụ-lớn gật đầu, rồi ngảnh mặt gọi ông Đô lại gần mà bảo rằng :

— Ông thảo trát gọi ngay lý-tưởng đương-thứ làng. . . . . và lý trưởng cựu tên là Mỗ lên tôi hỏi.

Ông Đô dạ một tiếng, rồi ngảnh lại bảo *thôn Phụ* rằng :

« Vậy nhà-anh hãi về đợi ít lâu nữa, để Cụ-lớn trất-vấn lại, rồi sẽ giả nhà anh tờ chúc-thư ngay.

Phụ đành phải lui về. Khốn-nạn thay! vì một câu truyện cuối cùng của cụ-lớn mà làm cho bác *thôn Phụ* ta đi về bao nhiêu truyến, từ dinh quan về đến làng, lại từ làng lên đến dinh, mà tờ trát của quan không biết lạc vào ngả nào, người lý-trưởng làng vẫn chưa nhận được.

Phụ nóng ruột, muốn mời cả lý-trưởng cựu và đương-thứ cùng đi với mình lên dinh, không đợi đến khi tờ trát đến; nhưng họ đều chối rằng:

— Quan tôi không phải vừa đâu, tôi không dám tự-tiện thế. Bác muốn chóng việc, phải lên nói với quan Đô, nhờ ngài thảo trát ngay cho mới được.

Phụ cực chẳng đã, lại phải lên hầu quan Đô, thì quan Đô nói rằng :

— Việc của bác lắm sự rắc-rối, tôi vẫn sẵn lòng dúp bác, mà không thể nào dúp cho xong được ngay. Thực tôi cũng lấy làm ân-hận lắm. Song có điều này tôi nói thực : chẳng qua chỉ bởi bác ngu-xuẩn, lại

tần-tiện không phải đường. Như lúc đầu, dá bác đừng đem bản-sao lên, thì quan không sinh giận. Quan không giận thì đâu ra lắm truyện phiền lòng. Kế đây, tôi bảo bác phải lo đủ hai nghìn, bác tiếc tiền bớt lại một nửa. Thành sau cũng vẫn phải đưa nốt, mà đối với ngài vẫn không được thành-tâm. Ấy chỉ bởi thế, mới sinh ra lắm nỗi khúc-triết. Nay tôi có một kế, nếu bác thực bụng chịu nghe thì không những không phải gọi lý-trưởng lên, thêm sự phiền-phí, mà bác được rút hết những tờ chúc-thư, phân-sản, đem về nhà mà hưởng thụ, không ai dám sinh điều lôi-thôi.

Phụ mừng hỏi kế gì. Quan Đô ngài thong-thả nói rằng :

— Bác phải biện một nghìn nữa thì xong cả.

Phụ dật nảy mình, không ngờ ứa nước mắt ra, nói rằng :

— Bẩm cụ xét cho, con không phải là hà-tiện. Con đã phải bán mất bốn mẫu ruộng ; nếu nay cụ-lớn và cụ không dủ lòng thương cho, thì con hết mất cơ-nghiệp.

Ông Đô nói :

— Tôi nói thực. Bác không muốn lo thì tùy bác, tôi không ép. Những việc mới rồi, bác đã rõ, nào phải rằng tôi nói ngoa.

Phụ kêu nài khóc-lóc mãi, quan Đô động lòng thương, bèn nói :

— Thế bác bây giờ có thể lo được bao nhiêu nữa ?

Phụ nói :

— Con chẳng dám giấu cụ, thực có thể chỉ lo được năm trăm đồng nữa mà thôi. Nếu cụ không nói dúp cho, con cũng đành đối phúc cùng giời, không biết làm thế nào được nữa. Nhà con hiện chỉ còn có năm mẫu ruộng, là phần của tổ phụ để lại. Nếu con dối cụ, thì con chết theo bóng mặt giời, vì phần ruộng của con tậu sau vừa bán mất rồi. Bây giờ cụ bảo con lo thêm tiền, thì con chỉ có thể cố bán một nửa phần ruộng còn đó, một nửa kia phải lưu lại để nuôi thân và nuôi vợ con. Nếu lo đủ một nghìn nữa, thì cả nhà đến chết đói.

Quan Đô nghe biết là lời nói thực, bèn hứa rằng cố sức dúp, may ra lần này thành công.

Mà lần này thành công thật. Vì khi *Phụ* giở về, vợ chồng cắn răng viết văn-tự cầm cố mấy mẫu ruộng nữa, lấy đủ năm trăm bạc đưa vào nhà tư-thất quan, thì chính tay quan phụ-mẫu nhân-từ kia mở tủ đưa giả bản chúc-thư và giấy phân-sản cho *Phụ* mà *Phụ* luống cố công đợi chờ mong-mỏi bấy lâu nay.

Phụ mừng - rỡ, vội cầm mấy bản giấy qui-giá ấy, về đưa cho vợ. Vợ đỡ lấy, đoạn rồi vất xuống đất mà khóc rằng :

— Ối giời đất ơi ! vẻ chi mấy mảnh giấy vô dụng này, mà khiến cho kẻ làm ăn lương-thiện, tốn bao nhiêu mồ-hôi nước mắt, dãi-dầu năm nắng ba sương, mới gây thêm được dăm mẫu ruộng, để cho người mũ cao áo rộng, ngồi mát ăn dưng, vô-cớ cướp sống hết cả. Ối phụ mẫu ôi là pháp luật ôi ! Thế-gian có lắm nỗi bất-bình như thế ư ! Thảm chưa ? Giời đất ôi !

Thôn Phụ vội - vàng nhặt những mảnh giấy ấy lên, rồi lại bịt miệng vợ, không muốn cho nói, sợ nỗi tai vách mạch rừng.

Danh Mậu nghe quan đã lấy của anh mình được hai nghìn rưỡi bạc, vội-vàng tìm đến dinh xin vào hầu quan.

Cụ-lớn ngài cho vào, nhưng không để cho *Mậu* kịp nói, liền mắng trước rằng :

— Thằng này, bay dan ngoan đủ đường. Việc chúc-thư và gia-sản của anh em nhà bay, ta đã xét kỹ, không có sự chi là trái phép, sao bay dám thưa dan. Chiếu luật ra, bay thưa dan như thế đáng phải tội nặng. Song ta thương bay đói ăn vụng, túng làm càn, nên ta sinh phúc mà tha thứ cho. Liệu đem mặt ra sớm, kẻo chết mất sác bây giờ !

Mậu đành lui giở ra, vừa được vài bước, Cụ-lớn chừng ngài nghĩ thương tình, liền gọi giở lại, ngài mở bí da lấy ra một cái giấy bạc năm đồng, đưa cho *Mậu* mà bảo rằng :

— Ấy chỉ vì ta có chút thiện-niệm, muốn để âm-chất cho con cháu ta về sau, nên ta mới thí cho bay như thế này. Biết chưa ?

Mậu nhận rồi, lạy tạ mà lui ra.

Cảm đề.

Thật có, hay là mắc tiếng oan ?
Kém năm trăm nữa, dủ ba ngàn.
Hơi đồng dã sạch mồm ông lớn,
Mặt sắt còn bia mắt thế-gian.
Cũng bởi thằng dân ngu quá lợn,
Cho nên quân nó dễ làm quan.
Đào mà đào được, nên đào mãi ;
Mềm ? cứng ? bây giờ đất Vĩnh-an ?

Tản-Đà

時事之部

THỜI-SỰ

Một sự sáng-lập khẩn-thiết

Bản-chí có tiếp một phong thư ở Nam-kỳ gửi ra, trong có một bài trích mấy số báo ở Saigon, nhờ đăng. Nghĩ như việc đây có quan-thiết cho sự học của người An-nam ta ở bên Pháp, cho nên lược phần nghị-luận mà đăng phần thực-sự như sau, để các bạn thanh-niên cùng những nhà có con cho đi du học cùng rõ.

An-nam tạp-chí

« Độc-giả quí-hữu ai cũng đã từng biết ông *Paul Monet*, xưa làm quan Ba Phápthủ Thuộc-địa, là một người chiến-sĩ bị thương nặng, trong sáu năm nay ông đã hiến thân ra làm việc mở-mang học-thức luân-lý cho người Annam ta, hi-sinh cả chức nghiệp công danh, tiêu-tán hết một phần gia tài lớn, thiệt hại sức khỏe của ông và cả gia-quyến. . . . .

Nay ông đã định đem cả một dinh-cơ rộng và một tòa nhà lớn của ông đã tậu từ trước ở bờ biển Địa-trung-hải để dựng cho thiếu-niên Annam một cơ-sở mà ông đã đặt hiệu là tràng « *Pháp-Việt Tu-Long* » hay là I. F. A. T.

Gọi là I. F. A. T., vì rằng lối Âu-châu hay dùng chữ tắt để hiệu trường này lập ở trong một cái vườn lớn rộng hơn một mẫu tây, có cây-cối xanh-tốt như là những bách-dương, sốt-rét, mất-cơ, nhiều thứ cây có trái, với những trúc-tre, búng-báng, xương-rồng, lô-hội, thiên-ma, phong cảnh thật là rườm-rà mát-mẻ, sáng sủa đẹp đẽ, thiếu-niên Annam trông thấy sẽ tưởng tượng như ở quê-hương mình vậy. Cái dinh-cơ đó mặt trông ra biển, cao hơn mặt biển ba mươi thước, cách một con đàng lớn quanh theo bờ biển, có giồng cây búng-báng mát mẻ đẹp-đẽ. Có một đường xe điện từ garẹ về qua đường ấy đỗ ngay giữa cửa trường rất tiện. Ở trường ra chỉ qua ngang con đường ấy là bước xuống hải biển, dày nước vừa nông vừa phẳng, hầu hết các mùa người ta có thể xuống tắm được mà thật là dễ-dàng chắc-chắn, chớ không có một chút chi là nguy-hiểm.

Trong vườn sắp đặt rất là có thứ-tự đẹp-đẽ: Chỗ nào cũng có để những bàn ghế ở dưới bóng cây: có nhiều sân đắp chung quanh có bao-lơn, có thể đứng dựa mình mà ngắm xem Địa-trung-hải mặt nước chân trời mông-mênh thăm-thẳm, cùng là phong-cảnh vũng biển Toulon xinh đẹp bát-ngát, nào là tầu chiến tầu ngầm, máy bay, *mỗi ngày càng thêm* tiến tới, đi lại dập-dìu phất-phới ngay ở trước mắt những khách phương xa đến đó ngoạn cảnh mơ màng. Cái sân đắp chính giữa rộng được 1.500 thước vuông, có nhiều bóng mát cây thông rườm-rà xanh tốt; trong sân có nhiều chỗ lót tam hiệp ở trên có đặt bàn, và nhờ khi-hậu ôn-hòa đặc biệt ở nơi đó mà mùa nào người ta cũng có thể ăn cơm ở ngoài được. Ngay giữa cửa vào có một cái máy nước xây đắp, tinh xảo là công tạo-tác cuối cùng của một nhà tạc-tượng có danh tiếng lớn hiệu là Pradier, bóng cái lâu-đài ấy chiếu thẳng xuống một cái bể xây, nước trong sáng-sủa, cá lội êm-đềm. Lại còn có những nhà bồi-bếp, đặt-địa, làm ăn, để xe, cùng là những chỗ chơi thể thao và sân đánh bóng lót xi-măng rộng-rãi.

Tòa nhà lớn để cho học-sinh ở, có tất cả 26 buồng: mỗi buồng để cho một người hay là ba người ở, bên trong bày biện trang-hoàng. theo lối phương đông. rất là lịch-sự. Trên mỗi từng lầu đều có phòng tiện nước chảy, buồng tắm rửa

máy nước vòi tắm sạch-sẽ; nhà ăn cơm thì có cửa kính rộng trông ra biển rất là ngoạn mục; có cả phòng riêng cho thiếu-niên làm buồng học v. v.. Những thiếu-niên vào trường nầy không phải bị câu-thúc như học-trò ở những nơi u-uất khó chịu, thiếu-niên sẽ được tự-do vui vẻ như tại nhà mình, và cách ăn ở tại đó sẽ được sung-sướng đặc biệt như lối các con nhà sang-trọng nhất ở Đông-pháp hay là ở Đại-pháp. Trong trường có đủ người làm việc như là những người trông nom, cai quản, làm vườn, gác cổng, nấu bếp, làm cơm, đầy tớ cần dùng.

*
* *

Ông Đốc thì chăm-chỉ cốt nhất về việc giáo-dục học-sanh; trong những lúc học-hành làm việc, hội hiệp ăn uống cùng là giải trí du quan, học-sanh phải cử chỉ đứng-đắn nghiêm-trang, không ai được làm những cách vô phép bất tiện. Chỉ có ở trong vườn và trong buồng ngủ là được nói tiếng Annam mà thôi. Thiếu-niên phải tập theo những lễ phép tây cho lịch-sự, và lại giữ gìn kính trọng cả những phong-tục quốc-túy của Annam ta; những thiếu-niên có đạo Gia-tô thì mỗi chủ-nhật đã có một ông cố đưa đi làm lễ nhà-thờ gần đấy, rồi lại đưa về tử-tế. Còn những thiếu-niên theo những Tôn-giáo cũ của Tổ-quốc thì mỗi chủ-nhật sẽ nghe ông Đốc diễn-thuyết về Khổng-giáo, Phật-giáo và luân-lý cổ truyền. Những sự bàn luận bài-bác về chánh-trị và tôn-giáo thì có cấm hẳn. Những nhật-trình Tạp-chí gởi đến cho học-trò thì phải trình duyệt ông Đốc trước và ông Đốc có quyền ngăn cấm những thứ bất tiện.

Ban ngày thì thiếu-niên theo học các lớp ở Lycée Toulon, có người đưa đi tử-tế, những giờ học bài thì ở tại Trường nhờ có người trông nom; bữa ăn thì hội hiệp chung cả, có ông Đốc chủ-tọa hay là người học-trò lớn tuổi nhứt, Ngoài những giờ đó thì thiếu-niên được tự-do chơi ở trong vườn rộng-rãi vui-vẻ, có nhiều sự giải trí khoẻ-mạnh như thể-thao đánh bóng.

Ông Đốc xem xét từng người, chăm-chỉ mở-mang cả đường trí-dục và đức-dục, vừa giảng dạy giúp đỡ lại, kiểm-soát trông nom; mỗi tháng người có gửi giấy về nhà cho biết rõ những nết của học-sanh về bài-vở, về cách ăn ở, về đàng luân-lý, cùng là sức khoẻ với những chí-hướng của học-sanh. Như vậy có nhiều điều tiện-lợi cho cha mẹ để lo-liệu hậu-vận cho con cháu. Ở trong trường ấy có dạy học tư về các bài như là Pháp-văn, cách-trí, họa-hội, âm-nhạc và cả múa hát cùng cách giao-thiệp.

Mỗi chủ-nhật hay là ngày lễ có hội hiệp du-quan: ăn cơm ở những nơi phong-cảnh xinh đẹp thiên-nhiên, xem các nhà kỹ-nghệ, kho đề khí-giới, các thứ tầu chiến, tầu ngầm, đi xem chớp ảnh và tắm biển, tập bơi, có người trông nom cẩn thận v. v.. Trong vụ nghỉ hè thì lập cuộc "đem lều đi chơi" trong một tháng ở tại cù-lao Paquerolles (một nơi thắng cảnh). Bốn tuần lễ đó thiếu-niên ăn ngủ ở trong lều mắc ở dưới những bóng cây thông, tam xuyên-lựu, ở một bãi biển rộng, mỗi người làm lấy "cơm ăn", lúc nào cũng có ông Đốc trông nom cẩn-thận; đó là một tháng chơi đùa thật là thỏa thích, và thở hút khí trời có hơi muối rất là mạnh khỏe. Ở gò Paquerolles cũng đưa học-sanh có đạo Gia-tô đi lễ-bái trân-trọng như ở Toulon vậy.

Khi chơi về đến Toulon, học-sinh lại mở một cuộc hội-tiết lớn thường niên, có diễn-kịch, ca-nhạc, v.v... Những bài làm trong nghỉ hè thì có xem xét cẩn-thận, nhưng chỉ chuyên cho những người cần phải làm việc thêm mà thôi.

Cơm ăn thì theo cách tây ngon lành tử-tế, ăn uống rồi-rào, mỗi ngày bốn bữa; học-sanh nào muốn ăn thêm cơm cũng được. Quần áo đã có nhà trường sai đặt và chịu phí-tổn.

Nhà trường nầy cho học-sinh ở có số hạn thôi, và cốt để cho những con nhà giầu có, tiền học-sinh phải trả đã tính giá rất sát, cũng có hơi cao hơn giá ở các trường học ký-túc, nhưng xét theo những cách-thức ăn ở lịch-sự

trong trường này thì giá ấy lại còn rẻ nhiều lắm, vì rằng nếu học-sinh tự liệu biện lấy được cách ăn ở lịch-sự như thế, thì sẽ tiêu tốn hết hơn nhiều lắm. Như vậy, cha mẹ học-trò đã hiểu rằng con mình ở trường ấy đã có đủ mọi sự cần dùng, học hành dạy bảo tử-tế, ăn ở sang-trọng sung-sướng, chơi bời thể-thao lịch-sự (chỉ trừ ra có học tư thêm hay là phải đau ốm chữa chạy thì mới phải giả tiền thêm), như thế nếu học-trò còn xin cha mẹ gửi cho tiền thêm nữa thì thật là thừa, chỉ tổ sinh hư. Vậy xin các cha mẹ có thì chỉ nên gửi thêm cho thật ít mà thôi. Vả lại những thói cờ bạc thì đã nghiêm cấm cẩn-thận lắm.

Khi học-trò có lỗi thì bị ông Đốc trách mắng tư hay ở trước mặt các anh em bạn, nếu tái phạm thì sẽ phải phạt nhốt ở trong buồng học có người coi giữ, hay là không được đi chơi. Còn khi phạm điều lỗi nặng lắm thì học trò có khi phải đuổi. Khi đó thì ông Đốc lấy vé tầu, thân hành đưa kẻ bị đuổi xuống tầu ở Marseille, dẫn xuống dưới tầu, trông coi cho đến lúc tầu chạy và điện báo về nhà cho cha mẹ biết. Vậy nên giả tiền tầu về xứ-sở phải gửi trước nhà trường, lấy biên-lai của ông Đốc, là để phòng khi đó. Nhưng chúng tôi chắc rằng sự phạt đó sẽ không xảy ra ở trong trường này, là nơi mọi người sẽ hết lòng tin yêu nhau lắm, như thể ở trong một nhà vậy.

Khi học sanh sang tới Marseille thì đã có ông Đốc đón, hay là người quản-trường đón và đưa về tận trường Toulon.

Những thiếu-niên đã học ở trường ấy, đỗ bằng Tú-tài rồi, nếu muốn theo học nữa vào các trường khác hay vào cả: Đại-học-đường tỉnh Aix Marseille và Montpellier, thì ông Đốc sẽ làm ơn xin giùm cho không lấy tiền. Ông Đốc sẽ tìm cho người bảo lãnh. Những thiếu-niên có đạo Gia-tô thì sẽ gửi ở những nhà tử-tế và cũng theo đạo ấy.

Quan-ba Monet là người bạn tốt của ta, nay sắp về Pháp để thực-hành cái chủ ý quảng-đại đó; nếu nay có ít học-trò theo ông về thì tiện lắm. Chúng tôi xin hết lòng khuyên các nhà có con cháu muốn cho sang tây học thì nên viết thơ ngay lại cho ông *Paul Monet, ở số nhà 150 đường Mac-Mahon Saigon* mà hỏi các điều cần biết và sắp-sửa ngay từ bây giờ. . . . .»

Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ

Trích ở Đông-Pháp thời-báo

Tuân lịnh quan Thống-đốc Nam-kỳ, Hội-đồng Nam-kỳ đã nhóm lại hôm thứ hai 15 Novembre, vào lúc bốn giờ chiều.

Bốn giờ 15, thì quan Thống-đốc Le Fol tới. Khi xe hơi của ngài dừng bánh cửa ngoài, thì M. Blanchard là người lớn tuổi hơn hết ở trong Hội-đồng ra đón rước.

Hội-viên Pháp cả thảy là 14 người mà hôm ấy chỉ có 13 người đến, vì M. Caussin là đại-biểu của phòng thương-mại có việc, nên gửi giấy kiếu; còn mười ông Hội-đồng Annam ta thì đều có mặt đủ cả.

Chiếu lệ, quan Thống-đốc Nam-kỳ đọc bài diễn-văn để khai hội. So theo mọi khi thì bài diễn-văn này vắn-tắt lắm.

Đọc song bài diễn-văn, quan Thống-đốc ra về; hết thảy mấy ông nghị-viên đều đứng dậy đưa theo.

Khi quan Thống-đốc ra đi rồi, thì M. Blanchard là người lớn tuổi hơn hết làm chủ-tọa; Hội-đồng bầu-cử ban viên-chức trọng yếu (le Bureau). Hết thảy là 23 người bỏ thăm mà 13 lá thăm bỏ cho M. De Lachevrotière làm Nghị-trưởng; còn mười lá thăm trắng. Thấy M. De Lachevrotière là người thù nghịch của nòi giống mình, mà được 13 người nghị-viên Pháp cử vào chức Nghị-trưởng, thì ngay khi đó mười ông hội-viên Annam ta đều cùng nhau đứng dậy rắp một lượt bỏ hội ra về.

Mấy người hội-viên Pháp cứ ngồi hội như thường và bầu-cử ban viên-chức trọng yếu (bureau).

M. Alinot được cử làm phó nghị-trưởng.

M. Joubert được cử làm thư-ký. 13 người hội-viên Pháp hiện-diện lúc bấy giờ cùng rủ nhau bầu đại luôn một người phó nghị-trưởng và một người thư-ký Annam; không thèm hỏi đến ý-kiến của nghị-viên Annam ta. . . .

Liền khi cử bureau song, M. De Lachevrotière lót-tót chạy lên, vừa đọc vừa "rống" một bài diễn-văn của y đã đặt sẵn đâu ở nhà rồi. Có lẽ bởi ngó mòi không êm, nên y xin từ chức chánh Nghị-trưởng.

Bấy giờ 13 người hội-viên Pháp cùng nhau cử lại M. Héraud vào chức ấy.

Còn về phía Annam ta, thì khi ra khỏi Hội-đồng rồi, mấy ông hội-viên đồng đứng cùng nhau gửi cho quan Thượng thơ thuộc-địa (Paris), quan Toàn-quyền Varenne (Paris) và quan quyền Toàn-quyền Pasquier (Hanoi) bức điện-tín sau này:

« *Thấy Nghị-viện Pháp đồng lòng cử De Lachevrotière, là người đã từng khêu chọc chưởi mắng dân Annam, lên làm Nghị-trưởng Hội-đồng quản hạt, thì chiều nay đại-biểu Annam đều bỏ Nghị viên ra về ráo. Chúng tôi đã hết sức nhẫn nhục; nhưng nay thấy Nghị-viên Pháp tỏ cách bất-hòa như thế, thì chúng tôi tưởng thật cũng khó lòng mà đề-huề được nữa.*

10 người Nghị-viên quản-hạt »

Chuyến Hội đồng quản-hạt này kết quả thế nào chưa biết được.

Việc lụt ở Trung-kỳ

Mới ngày nào dân mấy tỉnh Bắc-Ninh, Hải-dương, Hưng-yên, Thái-Bình ở Bắc bị lụt vỡ đê, nay lại được tin lụt ở Trung-kỳ. Tuy ở Trung-kỳ bị lụt, sự tổn hại không bằng ngoài Bắc; song đối với Bắc-kỳ và Nam-kỳ thời dân Trung-kỳ nghèo khổ hơn cả, khi bình thường chưa chắc có đủ ngày hai bữa ăn thay, huống nay lâm cơn hoạn nạn thời sự quẫn-bách cực-khổ lại càng thảm-thiết muôn vàn. Việc lụt ngoài Bắc thời trên có Chính-phủ lập Hội-đồng cứu-tế, chỉnh-đốn công việc đắp đê, dưới quốc-dân có hạng thượng-lưu Trung Nam Bắc ra sức hô-hào cổ-động sự quyên tiền, tổ-chức các cuộc hát làm nghĩa để giúp đồng-bào trong lúc gian-nan. Còn ở Trung-kỳ nay mới nghe tin lụt ngập các miền trung-ương, cứ theo như lời các báo nói thời lụt cũng lớn, mùa màng súc-vật hư hại cũng không ít. Thường cứ mỗi năm xứ này có lụt, ít khi thấy Chính-phủ lập hội-đồng cứu tế như ở Bắc, chỉ khi nào có lụt dữ-dội hư-hại như cuối năm 1924 mới có Hội-đồng cứu-tế mà thôi. Vì vậy cho nên mỗi khi xứ này gặp phải cái cảnh như thế, thường xảy ra lắm sự rối trong dân-gian làng xóm, như là trộm cướp, giựt của ban ngày; lại có nhà đương dọn cỗ bàn đơm cúng trời đâu một lũ dân đói có đến bốn năm chục con người đến xin ăn; lại cũng có bọn đến bẻ trộm lúa bắp trong vườn đương giữa ban ngày, mà phần nhiều nhà cũng sẵn lòng để cho mặc sức bẻ, vì có cấm cũng không đặng. Cái nạn ấy bởi đâu mà ra, cũng chẳng qua vì bần-cùng sinh đạo tặc. Lại có người vì chịu đói rét không thấu, đến nỗi bỏ thân giữa đường giữa chợ, thảm hại vô cùng, không sao kể xiết; ai là người nhơn-đạo trông thấy mà chẳng cảm thương tâm. Ôi, cái nạn lụt ở Trung-kỳ dẫu ít mà cái thảm-trạng khốn khó của dân thời nhiều; tưởng mỗi khi có lụt cũng nên có Hội-đồng cứu-tế, họa may sự cực-khổ của dân mười phần dảm năm bảy.

Nói đến việc cứu-tế, phải trông về phần thượng-lưu hữu-tâm trong quốc-dân. Vậy ai là người có lòng yêu nước thương nòi, nên mau mau lo phương cứu giúp.

NHA-TRANG

Đoàn-trọng-Thưởng

lai-cảo.

Kỳ này vừa hết trang; các sách gửi đến cho Bản-chí, xin để kỳ sau giới-thiệu.

An-nam tạp-chí

LỆ NHẬN BÁN LẺ

Các Hiệu sách ở các tỉnh, Hiệu nào nhận bán lẻ cho Bản-chí, xin tính tiền hoa-hồng 10°/₀. Cứ mỗi cuối tháng tây, gửi giả mandat và những quyển Tạp-chí còn lại. Bản-chí lại gửi theo những số về tháng sau.

Các cước-phí khứ hồi, về Bản chí nhận chịu.

AN-NAM TẠP-CHÍ

ĐỒNG-BÀO BẮC-KỲ HÃY ĐỌC

ĐÔNG-PHÁP THỜI BAO

SAIGON

Tuần lễ ra ba kỳ

Toà báo: 186 đường d'Espagne

Giá báo đồng niên **8 $ 00**

— — nửa năm **5, 00**

Thư và Mandats gửi cho

Mr NGUYỄN-KIM-ĐÍNH tổng-lý

Quần áo tây ! ! !

May cực khéo
Giá lại rất rẻ
Rất nhiều hàng đẹp
Đủ các vải may quần áo tây và quần áo an-nam
Cai cắt chuyên môn
Xin cam đoan làm được như ý

Mời các Ngài lại ngay nhà đỏ

LÊ-THUẬN-KHOÁT

42, Hàng Đào – Hanoi

và Chi-điếm: 17 Phố Khách Haiphong

